

Số: 876 /TTr-HĐQT

Hải Dương, ngày 09 tháng 6 năm 2022

VŨ
MẠNH
DŨNG

Digitally signed by VŨ
MẠNH DŨNG
DN: C=VN, L=HẢI
DƯƠNG, O=CÔNG TY CỔ
PHẦN KINH DOANH
NƯỚC SẠCH HẢI
DƯƠNG, OU=CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
CN=VŨ MẠNH DŨNG,
OID.0.9.2342.19200300.10
0.11:+CMND:
03007502806
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing
location here
Date: 2022.06.09 15:44:36
Foxit Reader Version: 9.5.0

TỜ TRÌNH

Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính
và Phân phối lợi nhuận niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước
sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty
cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương ngày 25/6/2021;

Căn cứ báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến
31/12/2021 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua các chỉ tiêu
chính; Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính và phân phối lợi
nhuận niên độ kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 của Công ty cổ
phần kinh doanh nước sạch Hải Dương như sau:

A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
I	SẢN PHẨM SẢN XUẤT CHỦ YẾU			
1	- Sản xuất nước sạch đầu nguồn	Triệu m ³	66,6	66,581
2	- Sản lượng doanh thu nước sạch	Triệu m ³	56,5	56,6
	Trong đó:			
	Sản lượng ghi thu	Triệu m ³		56,4
	Sản lượng hỗ trợ covid-19	Triệu m ³		0,2
3	- Tỷ lệ thất thoát, thất thu	%	11	10,3
4	- Phát triển khách hàng	Hộ	8.000	8.263
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH			
1	Vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ)	Triệu đồng	318.824,7	318.824,7
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	508.300	521.918
	- Doanh thu nước sạch báo cáo	Triệu đồng	490.000	489.553
	- Hỗ trợ covid	Triệu đồng	-	2.000
	- Thi công xây lắp	Triệu đồng	12.000	13.548
	- Nước tinh lọc và hoạt động khác	Triệu đồng	6.300	16.817
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	443.200	456.721
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	65.100	65.197
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	51.940	51.947
III	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
1	Nộp ngân sách	Triệu đồng	61.300	61.960
	- Các loại thuế, phí	Triệu đồng	45.965	46.625
	- Cổ tức trả nhà nước	Triệu đồng	15.335	15.335
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	12,8	12,5

3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn CSH	%	20,4	20,4
4	Tổng quỹ lương NLĐ	Triệu đồng	96.390	96.054
5	Tổng lao động	Người	945	919
6	Lương bình quân người/tháng	Triệu đồng	8,5	8,71

B. Báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

Các chỉ tiêu chính như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN
I	Tổng tài sản	đồng	962.239.870.746
1	Tài sản ngắn hạn	đồng	57.504.583.521
2	Tài sản dài hạn	đồng	904.735.287.225
II	Tổng nguồn vốn	đồng	962.239.870.746
1	Nợ phải trả	đồng	534.925.021.740
2	Vốn chủ sở hữu	đồng	427.314.849.006

(Chi tiết tại báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 đã được công bố thông tin trên website: hdwaco.com.vn)

C. Phân phối lợi nhuận niên độ kỳ kế toán:

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
I	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	Triệu đồng	51.940.000.000	51.947.160.802
1	Trả cổ tức bằng tiền	Triệu đồng	23.911.000.000 (7,5%)	24.549.501.900 (7,7%)
2	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi: Trong đó: - Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động - Quỹ khen thưởng của BĐH	Triệu đồng	9.594.000.000 9.274.000.000 320.000.000	11.813.510.662 11.543.210.662 270.300.000
3	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	15.582.000.000	15.584.148.240
4	Lợi nhuận chưa phân phối	Triệu đồng	2.853.000.000	-
II	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm 2018, 2019, 2020	Triệu đồng		7.399.752.591
	Trả cổ tức từ lợi nhuận để lại các năm 2018,2019,2020	Triệu đồng		7.399.752.591

D. Ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định:

Thời gian chi trả cổ tức và thực hiện các thủ tục liên quan đến chia cổ tức cho các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tài liệu Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phụng

Số: 877/TTr -HDQT

Hải Dương, ngày 09 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản và Nghị quyết cuộc họp lần thứ 35 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương ngày 24 tháng 12 năm 2021;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và tình hình thực tế sản xuất của các đơn vị trực thuộc trong toàn công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 của công ty, cụ thể như sau:

A. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
I	SẢN PHẨM SẢN XUẤT CHỦ YẾU		
1	- Sản xuất nước sạch đầu nguồn	Triệu m ³	68,475
2	- Sản lượng doanh thu nước sạch	Triệu m ³	58,3
3	- Tỷ lệ thất thoát, thất thu (phần đầu duy trì)	%	11
4	- Phát triển khách hàng	Hộ	6.500
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH		
1	Vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ)	Triệu đồng	318.824,70
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	517.800
	- Nước sạch	Triệu đồng	500.000
	- Thi công xây lắp	Triệu đồng	10.000
	- Nước tinh lọc và các hoạt động khác	Triệu đồng	7.800
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	451.600
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	66.200
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	52.900
III	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC		
1	Nộp ngân sách	Triệu đồng	63.300
	- Các loại thuế, phí	Triệu đồng	47.757
	- Cổ tức trả nhà nước (dự kiến)	Triệu đồng	15.543
2	Cổ tức trả từ LN các năm trước		4.800
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	12,8%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn CSH	%	20,8%
5	Tổng quỹ lương NLD	Triệu đồng	98.918
6	Tổng lao động	Người	945
7	Lương bình quân người/tháng	Triệu đồng	8,723

B. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	Triệu đồng	52.900
1	Trả cổ tức bằng tiền thấp nhất 7,8%	%	24.868
2	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	15.870
3	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi: Trong đó:	Triệu đồng	12.162
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động		11.832
	- Quỹ khen thưởng của BDH		330

C. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và quyết định:

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận sau thuế đạt được của năm 2022, quy định theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước:

- Quyết định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động;
- Quyết định trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác theo quy định.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tài liệu Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phụng

Số: 878 /BC-HĐQT

Hải Dương, ngày 09 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Về kết quả hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT
năm 2021 và định hướng, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021.

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-HĐQT ngày 29/6/2021.

Căn cứ Quyết định số 1117/QĐ-HĐQT ngày 01/7/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương bầu:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 (bảy) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm (2017-2022);

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: gồm có 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch và 05 thành viên.

- Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm: Chủ tịch và Phó chủ tịch có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày của công ty.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương, Hội đồng quản trị trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 như sau:

I. THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu			Tỷ lệ	Ghi chú
			Tổng	Cá nhân	Đại diện		
1	Vũ Mạnh Dũng	Chủ tịch HĐQT	9.604.142	39.400	9.564.742	30,12%	TV HĐQT điều hành
2	Nguyễn Văn Phụng	Phó Chủ tịch HĐQT	2.818.416	28.700	2.789.716	8,84%	TV HĐQT điều hành
3	Vũ Văn Nhân	Thành viên HĐQT	2.818.916	29.200	2.789.716	8,84%	TV HĐQT điều hành
4	Phạm Minh Cường	Thành viên HĐQT	2.907.119	117.403	2.789.716	9,12%	TV HĐQT điều hành

5	Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	24.325	24.325		0,08%	TV HĐQT điều hành
6	Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên HĐQT	2.819.816	30.100	2.789.716	8,84%	TV HĐQT điều hành
7	Phạm Thị Mận	Thành viên HĐQT	3.900.000		3.900.000	12,23%	TV HĐQT không điều hành

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021:

1. Hoạt động quản trị công ty.

1.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị.

Kể từ ngày 01/01/2021, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức 06 cuộc họp với sự tham dự 100% của các thành viên, đã quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, các quyết nghị, quyết định đều dựa trên sự thống nhất và đồng thuận của các thành viên. Năm 2020 HĐQT đã ban hành các Nghị quyết như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 30 HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	05/02/2021	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Tờ trình Hỗ trợ xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước các khu cách ly tập trung và bệnh viện dã chiến. 2. Thông qua Tờ trình Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà ở cho hộ nghèo năm 2021 cho huyện Tứ Kỳ. 3. Và một số công tác khác.
2	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 31 HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	25/3/2021	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2020. 2. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. 3. Thông qua Tờ trình Quyết toán quỹ lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý năm 2020 và Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý năm 2021. 4. Thông qua Quy chế khoán trả tiền lương, vật rẻ tiền mau hồng và khoán một số chi phí khác; 5. Thông qua Tờ trình phương án vay vốn tại Ngân

			<p>hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương.</p> <p>6. Thông qua Tờ trình phương án vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - CN Hải Dương</p> <p>7. Thông qua Tờ trình hỗ trợ người lao động trong dịp nghỉ lễ 30/4 - 01/5 năm 2021.</p> <p>8. Thông qua Tờ trình kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2021.</p> <p>9. Thông qua Tờ trình Bổ sung, điều chỉnh danh mục công trình đầu tư XDCB đợt 1 năm 2020.</p> <p>10. Thông qua Tờ trình Kế hoạch bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm thiết bị đợt 1 năm 2021.</p> <p>11. Thông qua Tờ trình về việc quảng cáo thương hiệu qua Đội bóng đá U13 và Đội bóng bàn trẻ của Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Hải Dương.</p> <p>12. Thông qua Tờ trình Về việc miễn, giảm tiền sử dụng nước sạch sinh hoạt tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện dã chiến</p> <p>13. Và một số công tác khác.</p>
3	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 32 HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	07/6/2021	<p>1. Thông qua Tờ trình bổ sung danh mục và kế hoạch bố trí vốn đầu tư XDCB đợt 2 năm 2021.</p> <p>2. Thông qua Tờ trình về việc ủng hộ mua vắc-xin phòng chống COVID-19</p> <p>3. Và một số công tác khác</p>
4	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 33 HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	23/7/2021	<p>1. Thông qua Báo cáo tài chính Quý 2 và dự thảo Báo cáo tài chính bán niên năm 2021.</p> <p>2. Thông qua Báo cáo lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021;</p> <p>3. Thông qua Tờ trình hỗ trợ người lao động nghỉ dưỡng, bồi dưỡng sức khỏe năm 2021;</p>

			<p>4. Thông qua Tờ trình ban hành Quy chế phối hợp Đảng – Chính quyền – Công doanh – Đoàn thanh niên – Hội cựu chiến binh;</p> <p>5. Thông qua Tờ trình phương án vay vốn trung hạn tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - CN Hải Dương đợt 2 năm 2021.</p> <p>6. Thông qua Tờ trình chi quỹ khen thưởng phúc lợi;</p> <p>7. Thông qua Tờ trình hỗ trợ người lao động nghỉ lễ 02/9/2021.</p>
5	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 34 HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	29/10/2021	<p>1. Thông qua Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2021.</p> <p>2. Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD 9 tháng năm 2021, ước kết quả hoạt động SXKD cả năm 2020.</p> <p>3. Thông qua Tờ trình bổ sung danh mục và kế hoạch bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản đợt 3 năm 2021.</p> <p>4. Thông qua Tờ trình hỗ trợ người lao động trong dịp Tết dương lịch.</p> <p>5. Thông qua Tờ trình bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ các đơn vị trực thuộc</p> <p>6. Thông qua Tờ trình về việc trang bị trang phục cho Ban lãnh đạo, các cán bộ chủ chốt của công ty</p> <p>7. Thông qua Tờ trình về việc ủng hộ kinh phí xây dựng nhà tình nghĩa nhân dịp kỉ niệm 75 năm Ngày truyền thống LLVT tỉnh Hải Dương (23/7/1947-23/7/2022)</p> <p>8. Thông qua Tờ trình hỗ trợ kinh phí Đại hội đại biểu Hội chữ thập đỏ tỉnh lần thứ XI nhiệm kỳ 2021-2026</p>
6	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 35 HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	24/12/2021	<p>1. Thông qua Báo cáo Ước kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2021.</p> <p>2. Thông qua Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch phân phối lợi</p>

			nhuận năm 2022. 3. Thông qua Tờ trình Danh mục các dự án công trình đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm chuyển tiếp năm 2021 và Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm năm 2022. 4. Thông qua Tờ trình kế hoạch cung ứng vật tư, thiết bị và danh sách lựa chọn đơn vị cung ứng năm 2022. 5. Thông qua Tờ trình trích bổ sung Quỹ tiền lương của Người lao động, Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2021.
--	--	--	---

Ngoài việc tham dự các cuộc họp HĐQT trực tiếp, các thành viên HĐQT còn tích cực cho ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời có các ý kiến chỉ đạo nâng cao công tác quản trị công ty. HĐQT yêu cầu Tổng giám đốc, các bộ phận có liên quan cung cấp thông tin về các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD để kịp thời nắm bắt tình hình và cho ý kiến chỉ đạo.

1.2. Việc tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Công ty thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán và các quy định của Chính phủ, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

- Công bố thông tin và quản lý cổ đông, cổ phiếu.

+ HĐQT phân công người thực hiện bố thông tin theo đúng quy định, đảm bảo đúng thời gian, các nội dung công bố như: Tình hình quản trị công ty, Người điều hành nghỉ chế độ, các báo cáo tài chính quý, báo cáo giao dịch cổ đông có liên quan và những báo cáo khác gửi UBCK, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, đăng công khai tại website của Công ty, đảm bảo nguyên tắc công khai minh bạch, đồng thời để các cổ đông nắm rõ được tình hình hoạt động của công ty.

+ Dữ liệu cổ đông của công ty được lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và được theo dõi định kỳ về sự thay đổi của các cổ đông.

Tổng số cổ đông tại thời điểm 15/9/2021: 915 cổ đông

Cơ cấu cổ đông:

Stt	Cổ đông trong nước	Số cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổ chức	03	26.123.606	81,937%
2	Cá nhân	912	5.758.864	18,063%
Tổng cộng		915	31.882.470	100

(UBND tỉnh Hải Dương: 65%; 02 nhà đầu tư chiến lược: 16,937%)

2. Kết quả thực hiện các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 25/6/2021.

2.1. Kết quả thực hiện định hướng chiến lược và kế hoạch HĐSXKD năm 2021.

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT đã giao cho Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện, với nhiều giải pháp trên các lĩnh vực như: Tiếp tục triển khai hoàn thiện các dự án, công trình chuyển tiếp năm 2020 đồng thời triển khai các dự án, công trình

mới năm 2021: Dự án xây dựng tuyến ống truyền tải chính HDPE D800-1000 từ trạm bơm cấp II đến đầu tường rào công ty oto Ford Hải Dương; Lập dự án Xây dựng trạm bơm tăng áp xã Vĩnh Hồng, Bình Giang - CNKDNS số 10; Dự án Xây dựng nâng công suất Nhà máy nước thêm 25.000m³/ng.đêm...và một số dự án, công trình khác cải tạo nâng công suất nhà máy, các tuyến ống truyền tải theo chủ trương đã được phê duyệt; cải tạo, thay thế, đầu tư mới các máy móc thiết bị các nhà máy và các trạm bơm tăng áp, chất lượng nước đảm bảo theo các tiêu chuẩn của quy chuẩn của Bộ Y tế, áp lực, lưu lượng luôn đáp ứng nhu cầu tiêu thụ, xây dựng và đưa vào sử dụng hơn 11,72 km đường ống mới, hoạt động chống thất thu, thất thoát đã cải tạo thay thế di chuyển hơn 15,9 km đường ống cũ, phát hiện và sửa chữa 8.884 điểm rò rỉ, thay thế 6.522 đồng hồ cũ, nâng chuyên 6.293 đồng hồ sâu, mờ, khó đọc, các hoạt động dịch vụ khác và các giải pháp đồng bộ trong quản trị công ty như: Phân vùng tách mạng, thiết lập các Block (DMA) để quản lý, lắp van thông minh điều tiết áp lực, lắp đặt Sensor kiểm soát lưu lượng, áp lực và truyền tín hiệu tự động lên mạng Internet, đã giảm đáng kể tỷ lệ thất thoát và nâng cao tuổi thọ của thiết bị, đường ống. Do vậy mặc dù dịch bệnh COVID-19, tình hình kinh tế trong nước và thế giới biến động lớn gây rất nhiều khó khăn cho công ty nhưng với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đề ra như sau:

2.1.1. Các chỉ tiêu chính về hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1	Sản lượng nước sạch doanh thu	m ³	56.500.000	56.606.000	100,19%
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	508.300	521.918	102,68%
	<i>Doanh thu trên báo cáo</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>508.300</i>	<i>519.918</i>	
	<i>Hỗ trợ covid</i>	<i>Tr.đồng</i>	-	<i>2.000</i>	
3	Lao động bình quân (không kể người quản lý điều hành)	Người	945	919	97,25%
4	Năng suất lao động	m ³ /ng/năm	59.788	61.595	103%
5	Nộp ngân sách	Tr.đ	61.300	61.960	101%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	51.940	51.947	100%
7	Bảo toàn và PT vốn	Tr.đ	408.528,4	427.314,8	105%

2.1.2. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Trên cơ sở các dự án, công trình đầu tư XDCB đã được HĐQT phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án công trình chuyển tiếp và các công trình đầu tư mới:

- Các dự án công trình chuyển tiếp: 59 dự án, công trình.
- Các công trình đầu tư mới: 61 dự án, công trình

Số lượng các dự án công trình nhiều nhưng tổng mức đầu tư của các dự án công trình nhỏ, phần lớn là cải tạo nâng cấp, nâng công suất, thay thế di chuyển các tuyến ống phục vụ giải phóng mặt bằng thi công đường, chỉnh trang đô thị, các công trình đầu tư mới là các công trình cấp thiết nhằm đáp ứng đủ nguồn và năng lực truyền tải cấp nước phục vụ nhu cầu bức thiết của khách hàng. Quy mô, tổng tổng mức đầu tư đều thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

Qua giám sát chỉ đạo HĐQT nhận thấy phần lớn các công trình đều triển khai đúng tiến độ, tuy nhiên một số công trình tiến độ vẫn còn chậm do một số nguyên nhân khách quan như vướng mắc giải phóng mặt bằng, một số công trình đã thi công xong, đã được bàn giao đưa vào sử dụng đáp ứng đủ nguồn, năng lực truyền tải đảm bảo cấp nước cho khách hàng tăng doanh thu, góp phần tăng lợi nhuận, nhưng chưa hoàn thành hồ sơ thanh quyết toán.

2.2. Kết quả thực hiện các nội dung khác:

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán: Trên cơ sở đề xuất của BKS, HĐQT đã lựa chọn và quyết định đơn vị kiểm toán các BCTC năm 2021 của công ty là: Công ty kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE), kịp thời thực hiện công tác kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021 theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chi trả tiền lương, thù lao cho người quản lý công ty:

Căn cứ mức tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS theo Nghị quyết ĐHĐCD ngày 25/6/2021, trên cơ sở kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016, Hội đồng quản trị đề xuất quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Trong năm 2021 tổng quỹ lương, thù lao thực hiện của HĐQT, BKS là: 1.238.400.000 đồng chi tiết như sau:

- Tiền lương Chủ tịch HĐQT	29.500.000	Đồng/tháng
- Tiền lương Phó chủ tịch HĐQT	26.500.000	Đồng/tháng
- Tiền lương Thành viên HĐQT	0	Đồng/tháng
- Thù lao Thành viên HĐQT	5.000.000	Đồng/tháng
- Tiền lương Trưởng BKS	23.000.000	Đồng/tháng
- Tiền lương Kiểm soát viên	16.000.000	Đồng/tháng
- Thù lao Kiểm soát viên	3.200.000	Đồng/tháng

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

HĐQT giám sát thông qua việc xem xét các báo cáo kết quả hoạt động SXKD các tháng, quý, năm qua việc tham dự các cuộc họp giao ban hàng tháng và báo cáo giám sát của Ban kiểm soát để quản trị và chỉ đạo kịp thời các hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc theo các nghị quyết của HĐQT đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong năm 2021 đã có nhiều nỗ lực và quyết tâm trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao, nhất là trong khi tình hình dịch bệnh COVID-19, kinh tế xã hội thế giới cũng như trong nước diễn biến rất phức tạp nói chung và tình Hải Dương nói riêng.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản theo đúng định hướng chiến lược và chỉ đạo của Hội đồng quản trị; tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp.

- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ cho các thành viên và định kỳ họp để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.

- Ban Tổng giám đốc đã báo cáo thường xuyên cho Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư các dự án. Với việc trao đổi, cập nhật thông tin nhanh chóng và kịp thời qua đó, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt rõ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và chỉ đạo công ty hoạt động hiệu quả theo định hướng chiến lược đã đề ra.

- Ban Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định và thông báo của Hội đồng quản trị.

Tuy nhiên, trong chỉ đạo điều hành, một số dự án công trình còn chậm tiến độ, do vướng mắc về công tác giải phóng mặt bằng, thi công và chưa quyết liệt chỉ đạo các đơn vị thi công hoàn thiện hồ sơ thanh, quyết toán công trình.

4. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên.

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên, các thành viên đã bám sát các nhiệm vụ được phân công cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao, thường xuyên nhận được thông báo từ Chủ tịch HĐQT thông qua các văn bản Email hoặc điện thoại về tình hình hoạt động của công ty để thông nhất ý kiến chỉ đạo, quyết định và giám sát Ban tổng giám đốc triển khai thực hiện, nội bộ đoàn kết có sự phối hợp thường xuyên, kịp thời với BKS và Tổng giám đốc trong công tác giám sát và chỉ đạo.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2017-2022

Đại hội cổ đông lần này là Đại hội kết thúc 5 năm nhiệm kỳ lần thứ nhất của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình Hội đồng quản trị chỉ đạo, điều hành Công ty hoạt động theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như triển khai thành công các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm và mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quyền lợi của các cổ đông của Công ty.

Kết quả hoạt động Công ty trong nhiệm kỳ 2017-2022, thể hiện qua các chỉ tiêu cụ thể như sau:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2017-2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	9 tháng Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Sản lượng nước máy thương phẩm	1.000 m ³	31.599	45.669	50.440	54.141	56.600
2	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	12	11	10,9	10,5	10,3
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	307.818	430.075	473.516	500.942	521.918
4	Tổng số lao động	Người	930	920	926	919	919
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	1.000 đ	7.526	7.8	7.98	8.400	8.710
6	Nộp Ngân sách nhà nước	1.000 đ	21.448	40.125	55.354	61.071	61.960
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	23.558	43.796	48.289	51.882	51.947
8	Tỷ lệ trả cổ tức	%	5	6,8	7,3	7,4	7,7

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ đầu tiên (2017-2022) Hội đồng quản trị đã tổ chức 39 cuộc họp chính thức và nhiều lần lấy ý kiến bằng văn bản các nội dung quan trọng để triển khai thực hiện đảm bảo hoạt động của công ty, dưới sự lãnh đạo chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc các chỉ tiêu SXKD hàng năm đều tăng trưởng ổn định, năm sau cao hơn năm trước, đời sống người lao động ngày càng cải thiện, hoàn thành vượt mức kế hoạch. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông tin tưởng giao.

IV. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

- Trên cơ sở các quy định của pháp luật và điều lệ công ty, Hội đồng quản trị tập trung xem xét ban hành các nghị quyết, quyết định về chủ trương, chính sách, cơ chế tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu cơ bản sau:

- + Sản lượng nước sạch doanh thu: 58.300.000 m³
- + Tổng doanh thu: 517,800 tỷ đồng
- + Năng suất lao động: 61.693 m³ /người/năm
- + Nộp ngân sách: 63,300 tỷ đồng
- + Lợi nhuận sau thuế: 52,900 tỷ đồng

- + Bảo toàn và phát triển vốn của công ty
 - Định hướng phát triển tốt mối quan hệ với các nhà đầu tư và các cổ đông, đảm bảo công bố thông tin theo đúng quy định.
 - Tăng cường công tác giám sát chỉ đạo Ban tổng giám đốc trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT, nhất là trong lĩnh vực đầu tư XDCB nhằm đảm bảo đủ nguồn nước cấp và năng lực truyền tải đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.
 - Phối hợp với BKS kiểm soát nhằm kiểm soát chi phí nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận, đồng thời đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, của doanh nghiệp, của các cổ đông, người lao động và cộng đồng.
- Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT năm 2021 và định hướng, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022, thay mặt cho HĐQT tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của các cổ đông, sự đồng hành của BKS và Ban Tổng giám đốc.
- Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ thường niên thảo luận thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tài liệu Đại hội;
- Lưu: VT, BKS.



Nguyễn Văn Phụng

Số: 879 /BC-BKS

Hải Dương, ngày 09 tháng 6 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Kính gửi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021,;

Căn cứ vào Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được ĐHĐCĐ thông qua ngày 25/6/2021;

Căn cứ vào Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát ban hành tại Quyết định số 1067/QĐ-BKS ngày 29/6/2021;

Căn cứ kế hoạch công tác của Ban kiểm soát và kết quả thực hiện kiểm soát của Ban kiểm soát năm 2021;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương báo cáo hoạt động của Ban năm 2021 như sau:

I. MỤC TIÊU KIỂM SOÁT

1. Kiểm soát tuân thủ: Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của năm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua.

2. Kiểm soát hoạt động: Xem xét, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, kiểm tra trực tiếp tại các chi nhánh nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng từ đó đề xuất kiến nghị những giải pháp phù hợp cho Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty.

3. Kiểm soát Báo cáo tài chính: Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, cả năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với kiểm toán độc lập vào giữa kỳ và cuối kỳ để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính, giám sát ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm Soát

Số TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Thị Thanh Ngân	Trưởng ban	16/3/2017	5	100%	
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	KSV	16/3/2017	5	100%	
3	Nguyễn Thị Quỳnh	KSV	16/3/2017	5	100%	

2. Triển khai công việc của Ban Kiểm soát Công ty

Năm 2021, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính, công tác quản lý, điều hành của Công ty thông qua các hoạt động chủ yếu sau:

- Hàng quý Ban Kiểm soát đều tổ chức họp định kỳ đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin nội bộ nhằm mục đích kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo chức năng quy định.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.

- Thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, giám sát các hoạt động và đưa ra các ý kiến về báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm của Công ty.

- Theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản; xem xét các chỉ số và tỷ trọng chỉ tiêu hàng quý và năm thông qua các buổi họp định kỳ của Ban kiểm soát.

- Đề xuất việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, họp giao ban hàng tháng và các cuộc họp do Chủ tịch HĐQT và TGD chủ trì để nắm bắt kịp thời tình hình SXKD của Công ty, tham gia đóng góp ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát.

- Phối hợp với các phòng ban trong công tác kiểm tra, giám sát để nâng cao chất lượng quản trị, hạn chế và phòng ngừa rủi ro.

3. Tổng hợp các cuộc họp của Ban Kiểm soát năm 2021

Năm 2021 Ban kiểm soát tổ chức họp 5 lần, cụ thể như sau:

Cuộc họp lần thứ nhất ngày 25/1/2021: Thông qua báo cáo kết quả kiểm tra, soát xét BCTC quý IV/2020; triển khai kế hoạch làm việc quý I/2021;

Cuộc họp lần thứ hai ngày 15/3/2021: Thông qua BCTC năm 2020, thông qua tiêu chí và danh sách các đơn vị kiểm toán trình ĐHĐCĐ thường niên lựa chọn kiểm toán BCTC quý, bán niên và cả năm 2021, Thông qua báo cáo giám sát, Thông qua kế hoạch giám sát tổ chức ĐHĐCĐ, xây dựng Báo cáo quản trị Ban kiểm soát năm 2020 và triển khai kế hoạch kiểm tra BCTC quý I năm 2021.

Cuộc họp lần thứ ba ngày 29/6/2021: Soát xét các công trình đầu tư xây dựng cơ bản theo danh mục các công trình được bố trí vốn năm 2021 và các công trình chuyển tiếp năm 2020, triển khai kế hoạch kiểm tra BCTC quý II/2021, Xây dựng báo cáo quản trị 6 tháng đầu năm 2021, tổng kết công tác ban 6 tháng đầu năm.

Cuộc họp lần thứ tư ngày 30/7/2021: Gồm các nội dung chính sau:

- a. Thông qua Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021
- b. Phân tích, đánh giá các chỉ số tài chính 6 tháng đầu năm
- c. Triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm

Cuộc họp thứ năm ngày 25/12/2021: Gồm những nội dung sau:

a. Họp tổng kết công tác Ban kiểm soát năm 2021 và đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 2022. Xây dựng báo cáo kết quả hoạt động của Ban 6 tháng cuối năm 2021 và báo cáo tổng kết ban trình ĐHĐCĐ

b. Triển khai kế hoạch soát xét báo cáo tài chính năm 2021.

Trong quá trình làm việc, Ban kiểm soát thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua các email, điện thoại để hoạt động được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao.

Trên cơ sở kiểm soát, Ban kiểm soát nhận thấy Công ty tuân thủ đúng pháp luật, không có thiếu sót trọng yếu, các yếu tố rủi ro có thể xảy ra được dự báo trước để có biện pháp phòng ngừa.

4. Đánh giá kết quả từng thành viên

4.1. Bà Trần Thị Thanh Ngân: Trưởng ban

Trưởng ban kiểm soát đã thực hiện đúng quyền và trách nhiệm theo mục 3 Điều 37, Khoản 1 Điều 38 Điều lệ Công ty; thực hiện triệu tập và chủ trì các phiên họp Ban kiểm soát; đề nghị HĐQT, Tổng giám đốc và các các bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin liên quan phục vụ công việc của BKS; tổng hợp và lập báo cáo của Ban kiểm soát sau khi có ý kiến tham khảo của HĐQT và trình lên ĐHĐCĐ; tổng hợp và lập biên bản kiểm soát định kỳ và đột xuất của Ban kiểm soát. Phụ trách và giải quyết trực tiếp các yêu cầu đột xuất theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp hiện hành.

Thường xuyên cập nhật các chế độ, quy định của pháp luật để kiểm tra tính tuân thủ, kiểm soát về công tác đầu tư, sổ sách chứng từ kế toán.

Cùng với các thành viên BKS sâu sát trong việc kiểm soát hoạt động quản lý điều hành sản xuất kinh doanh năm 2021 bám sát theo định hướng phát triển được ĐHĐCĐ thông qua.

4.2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Kiểm Soát viên chuyên trách.

Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Soát xét BCTC quý, 6 tháng, cả năm.
- Kiểm soát việc quản lý, sử dụng tài sản cố định và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản.
- Kiểm soát công tác hạch toán, luân chuyển chứng từ, tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ kế toán, việc thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước.

- Kiểm soát tiền mặt, ngân hàng, công nợ, vật tư, tài sản ngắn hạn.
- Kiểm soát doanh thu, chi phí, phân tích báo cáo tài chính và kết quả hoạt động SXKD hàng quý, 6 tháng và cả năm của Công ty.
- Và các công việc khác theo sự phân công của Trưởng ban.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ đã bám sát nhiệm vụ được phân công, chủ động trong việc, phối kết hợp chặt chẽ với các thành viên BKS

4.3. Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm soát viên - Thành viên không chuyên trách.

Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Soát xét BCTC quý, 6 tháng, cả năm.
- Kiểm soát việc thực hiện SXKD bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Kiểm soát thực hiện hợp đồng lao động, các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ người lao động.
- Kiểm soát việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty theo quy định của pháp luật: Thuế, phí, BHXH, BHYT, BHTN và các nghĩa vụ tài chính khác.
- Kiểm soát việc phân chia cổ tức, thời gian chi trả cổ tức cho các cổ đông
- Và các công việc khác theo sự phân công của Trưởng ban.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ đã bám sát nhiệm vụ được phân công, chủ động trong việc, phối kết hợp chặt chẽ với các thành viên BKS.

Trên cơ sở kết quả nêu trên, Ban kiểm soát tự đánh giá: Tập thể BKS và các thành viên BKS đã hoàn thành tốt nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; quá trình kiểm soát đã phối hợp với HĐQT, Tổng giám đốc và các mặt hoạt động khác của Công ty.

4. Tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương/Thù lao Đ/tháng	
			Kế hoạch	Thực hiện
1	Trần Thị Thanh Ngân	Trưởng ban	23.000.000	23.000.000
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên	16.000.000	16.000.000
3	Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên	3.200.000	3.200.000

Tổng Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2021 là: 506.400.000 đ

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SXKD

1. Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Ban kiểm soát thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của mình đã giám sát công tác tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty và thống nhất đánh giá như sau:

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực trong công tác quản lý điều hành, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được

Đại hội đồng cổ đông giao và đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2021.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Sản lượng nước máy thương phẩm	1.000 m ³	56.500	56.600	100,18%
2	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	11	10,3	93,64%
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	508.300	521.918	102,68%
4	Tổng số lao động	Người	945	919	Giảm 26 người
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	1.000 đ	8.500	8.710	102,47%
6	Nộp Ngân sách nhà nước	1.000 đ	61.300	61.960	101,08%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	51.940	51.947	100,01%
8	Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	%	7,5	7,7	102,67%

2. Kết quả giám sát tài chính

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động SXKD, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE.LTD), xem xét các hồ sơ kế toán đến thời điểm 31/12/2021. Sau khi xem xét, kiểm tra Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

- Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2021 trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, thực hiện hạch toán của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

- Công ty tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán, lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp và nhất quán, phù hợp với đặc điểm mô hình hoạt động SXKD và quản lý của Công ty.

- Ban kiểm soát nhất trí với BCTC năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE.Ltd).

- Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2021:

a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2021

(Số liệu được trích từ BCTC năm 2021 đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: VN đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	01/01/2021	Tăng – Giảm
A	Tài sản ngắn hạn	57.504.583.521	52.606.862.453	4.897.721.068

I	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.294.259.811	2.418.120.952	(1.123.861.141)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	17.197.067.987	14.386.399.889	2.810.668.098
IV	Hàng tồn kho	36.235.941.270	34.703.390.579	1.532.550.691
V	Tài sản ngắn hạn khác	2.777.314.453	1.098.951.033	1.678.363.420
B	Tài sản dài hạn	904.735.287.225	920.143.963.366	(15.408.676.141)
II	Tài sản cố định	857.230.561.843	870.276.004.029	(13.045.442.186)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	39.080.683.769	41.008.547.423	(1.927.863.654)
VI	Tài sản dài hạn khác	8.424.041.613	8.859.411.914	(435.370.301)
	Tổng cộng tài sản	962.239.870.746	972.750.825.819	(10.510.955.073)
C	Nợ phải trả	534.925.021.740	564.222.377.815	(29.297.356.075)
I	Nợ ngắn hạn	111.184.526.887	123.524.801.030	(12.340.274.143)
II	Nợ dài hạn	423.740.494.853	440.697.576.785	(16.957.081.932)
D	Vốn chủ sở hữu	427.314.849.006	408.528.448.004	18.786.401.002
I	Vốn chủ sở hữu	427.314.849.006	408.528.448.004	18.786.401.002
1	Vốn góp của chủ sở hữu	318.824.708.995	318.824.708.995	
2	Vốn khác của chủ sở hữu	56.131.362.723	25.591.322.099	30.540.040.624
3	Quỹ đầu tư phát triển	18.187.863.895	33.145.171.390	(14.957.307.495)
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	34.170.913.393	30.967.245.520	3.203.667.873
	Tổng cộng nguồn vốn	962.239.870.746	972.750.825.819	(10.510.955.073)

b. Bộ chỉ số đánh giá sức khỏe tài chính của Công ty.

STT	Chỉ tiêu	01/01/2021	31/12/2021
I. Cơ cấu tài sản			
1	Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	0,95	0,94
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,05	0,06
II. Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/Vốn CSH	1,38	1,25

2	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,58	0,56
3	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	0,42	0,44
III. Khả năng thanh toán.			
1	Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng TS/Tổng nợ phải trả)	1,72	1,80
2	Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ NH)	0,43	0,52
3	Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK/Nợ NH)	0,14	0,19
4	Khả năng thanh toán nợ dài hạn (Giá trị còn lại của TSCĐ/Nợ dài hạn)	1,97	2,02
5	Khả năng thanh toán lãi vay (Lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)	3,75	3,43
IV. Hiệu quả.			
1	Tỷ suất sinh lợi của tổng tài sản - ROA (LNST/Tổng TS)	5,33%	5,40%
2	Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu - ROE (LNST/Vốn CSH)	12,70%	12,16%
3	Tỷ suất sinh lợi doanh thu thuần - ROS (LNST/Doanh thu thuần)	10,36%	10,17%
4	EPS - Tỷ suất lợi nhuận trên cổ phiếu (LNST/Tổng cổ phiếu)	1.627,31	1.629,34
5	BV - Giá trị sổ sách (Tổng Tài sản – TSCĐ vô hình – Tổng nợ)/ Tổng số cổ phiếu lưu hành	12.794	13.387

Nhận xét: Theo số liệu tính toán bộ chỉ số đánh giá sức khỏe tài chính của Công ty thì chúng tôi thấy các chỉ số tài chính của năm 2021 phần lớn đều tốt hơn so với năm 2020. Nhóm chỉ số thanh toán cải thiện đáng kể. Tuy nhiên nhóm chỉ số Hiệu quả có 2 chỉ số là tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu và tỷ suất lợi nhuận doanh thu thuần bị giảm

- Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (ROE) giảm từ 12,7% xuống còn 12,16%, Nghĩa là cứ 100 đồng doanh thu lợi nhuận thu được năm 2021 giảm 0,54 đồng so với năm 2020.

- Tỷ suất lợi nhuận doanh thu thuần (ROS) giảm từ 10,36% xuống còn 10,17%, nghĩa là cứ 100 đồng doanh thu lợi nhuận thu được giảm 0,19 đồng so với năm 2020

Điều đó cho thấy rằng chi phí SXKD năm 2021 tăng hơn nhiều so với năm 2020

c. Tình hình các khoản công nợ

* Các khoản phải thu:

	01/01/2021	31/12/2021	Chênh lệch
Phải thu của khách hàng	10.850.152.563	12.688.513.477	1.838.360.914
Phải thu khác	670.924.959	1.623.947.359	953.022.400
Nợ phải thu	2.865.322.367	2.884.607.151	19.284.784
Tổng	14.386.399.889	17.197.067.987	2.810.668.098

Nhận xét:

- Nợ phải thu cuối kỳ tăng 2.810.668.098 đồng, trong đó chủ yếu phải thu của khách hàng tăng 1.838.360.914 đ, cho thấy trong kỳ số vốn bị chiếm dụng của Công ty tăng lên. Đề nghị Công ty tăng cường hơn nữa công tác thu hồi công nợ, điều chỉnh các quy định về thanh toán đối với các khách hàng lớn nhằm hạn chế tối đa công nợ phải thu, tăng dòng tiền cho Công ty.

* Các khoản phải trả

		31/12/2021	01/01/2021	Chênh lệch
I	Nợ ngắn hạn	111.184.526.887	123.524.801.030	-12.340.274.143
1	Phải trả người bán ngắn hạn	59.593.670.095	61.733.995.341	-2.140.325.246
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.860.773.438	2.307.315.516	-446.542.078
3	Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	4.680.815.722	619.284.694	4.061.531.028
4	Phải trả người lao động	6.557.995.556	6.941.143.333	-383.147.777
5	Chi phí phải trả ngắn hạn			0
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	0	0	0
7	Phải trả ngắn hạn khác	9.437.959.360	13.462.512.191	-4.024.552.831
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.863.582.252	22.257.592.925	-13.394.010.673
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19.630.060.358	15.758.479.258	3.871.581.100
II	Nợ dài hạn	423.740.494.853	440.697.576.785	-16.957.081.932
1	Phải trả dài hạn khác	141.298.020.313	148.500.020.313	-7.202.000.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	282.442.474.540	292.197.556.472	-9.755.081.932
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	534.925.021.740	564.222.377.815	-29.297.356.075

- Nợ phải trả cuối kỳ giảm (-29.297.356.075 đồng) cho thấy nỗ lực của Công ty trong việc trả nợ. Qua phân tích cho thấy, Công ty đã nỗ lực trả Nợ ngắn hạn rất nhiều (giảm 12.340.274.143 đ), Nợ dài hạn giảm 16.957.081.932 đ cho thấy công ty đã đang nỗ lực cân đối lại tài chính, cân đối giữa kỳ hạn của tài sản và kỳ hạn của nguồn nợ vay. Và điều này đã giúp dòng vốn lưu động dòng của Công ty được cải thiện hơn so với năm 2020 (Năm 2020= -70,917,938,577đ, Năm 2021: -53.679.943.366 đ)

Tuy nhiên dòng vốn lưu động thuần vẫn âm nhiều, vẫn khiến Công ty phải thường xuyên đảo nợ ngắn hạn (Vay nợ mới trả nợ cũ) tạo ra tình trạng căng thẳng

tài chính và khó khăn trong khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn. Do vậy đề nghị Công ty tiếp tục cân đối lại nguồn vốn, nhanh chóng thiết lập lại trạng thái cân bằng tài chính.

d. Công tác đầu tư XDCB

- Các dự án công trình chuyển tiếp từ năm 2020 sang: 19 công trình
- Các dự án công trình đầu tư mới năm 2021: 67 công trình

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ ĐTXDCB NĂM 2021

STT	Nội dung	Giá trị ĐK	Giá trị phát sinh	Giá trị hoàn thành	Dở dang CK
1	Các công trình chuyển tiếp từ năm 2020 sang	41.008.547.423	19.652.553.019	59.155.340.239	1.505.760.203
2	Các công trình mới đầu tư, mua sắm 2021		79.574.964.492	42.000.040.926	37.574.923.566
	Tổng	41.008.547.423	99.227.517.511	101.155.381.165	39.080.683.769

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ ĐTXDCB NĂM 2020

STT	Nội dung	Giá trị ĐK	Giá trị phát sinh	Giá trị hoàn thành	Dở dang CK
1	Các công trình chuyển tiếp từ năm 2019 sang	21.138.146.743	33.271.130.522	28.283.710.371	26.125.566.894
2	Các công trình mới đầu tư, mua sắm 2020	0	60.299.729.122	45.416.748.593	14.882.980.529
	Tổng	21.138.146.743	93.570.859.644	73.700.458.964	41.008.547.423

Nhận xét: Năm 2021, giá trị ĐTXDCB phát sinh tăng 5.656.657.867đ so với năm 2020. Các công trình dự án đầu tư năm 2021 đều là những công trình dự án quan trọng, thiết yếu, phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty. Sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy giá trị kinh tế, xã hội đảm bảo mục tiêu cung cấp đầy đủ nước sạch sinh hoạt cho nhân dân và nước sạch sản xuất cho các cơ quan, doanh nghiệp.

e. Tài sản cố định hữu hình

* Nguyên giá:

- Số dư đầu kỳ: 1.722.911.211.454 đ

- Tăng trong kỳ: 90.467.602.061 đ, trong đó:

+ Tăng do mua sắm mới TSCĐ: 10.084.558.977 đ

+ Tăng do đầu tư XDCB hoàn thành: 80.383.043.084 đ

- Giảm trong kỳ : 2.853.209.411 đ

+ Thanh lý, nhượng bán: 871.698.095 đ

+ Tháo dỡ đường ống: 1.981.511.316 đ

- Số dư cuối kỳ: 1.810.525.604.104 đồng
Trong đó tài sản hết khấu hao vẫn sử dụng: 276.333.035.169 đồng

* Giá trị hao mòn lũy kế

- Số dư đầu kỳ: 853.256.701.863 đ
- Tăng trong năm: 102.085.762.919 đ
- Giảm do thanh lý, tháo dỡ: 1.537.869.212 đ
- Số dư cuối kỳ: 953.804.595.570 đ

* Giá trị còn lại

- Giá trị còn lại đầu kỳ: 869.654.509.591 đ
- Giá trị còn lại cuối kỳ: 856.721.008.534 đ

f. Đánh giá về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

Người có liên quan thực hiện giao dịch với Công ty là bà Phạm Thị Mận – Chủ tịch HĐQT Công ty Cấp nước Phúc Hưng Hải Dương, là đại diện ủy quyền của Công ty cấp nước Phúc Hưng là tổ chức sở hữu 12% cổ phần. Hiện bà Mận đang giữ chức thành viên HĐQT Công ty cổ phần KDNS Hải Dương

Hợp đồng giữa mua bán nước qua đồng hồ tổng giữa Công ty cổ phần KDNS Hải Dương và Công ty cấp nước Phúc Hưng đã được ĐHCĐ năm 2018 chấp thuận.

Các giao dịch phát sinh trong năm 2021 như sau:

Mua hàng: 13.221.469.200 đ tăng 1.600.503.600 đ so với năm 2020

Phải trả người bán: 1.961.623.540 đồng tăng 1.012.375.180 đ so với năm 2020

3. Giám sát việc thực hiện Nội quy, quy chế và đảm bảo chế độ, quyền lợi của người lao động.

Công ty đã xây dựng được hệ thống các quy chế quản lý nội bộ: Quy chế tổ chức và quản lý, Quy chế tổ chức cán bộ, Quy chế khoán tiền lương và các chi phí khác, Quy chế thi đua khen thưởng, Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động....Trong năm qua Công ty đã tuân thủ đúng và nghiêm chỉnh các quy định trong Quy chế quản lý nội bộ và các quy định khác của pháp luật.

Các chế độ quyền lợi của người lao động trong Công ty được thực hiện đúng Luật lao động; việc chi trả lương hàng tháng thực hiện đúng thời gian quy định, các chế độ thi đua khen thưởng cũng như các khoản phúc lợi được thực hiện đầy đủ, thu nhập của người lao động được đảm bảo ổn định và cao hơn kế hoạch.

IV. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG.

1. Đối với HĐQT

HĐQT đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHCĐ thông qua ngày 25/6/2021. HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp, ban hành 06 Nghị quyết và các quyết định, văn bản phê duyệt. Các cuộc họp và hoạt động của HĐQT được

tổ chức và tiến hành đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành, được sự thống nhất cao của các thành viên.

2. Đối với Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc đã triển khai để các Nghị quyết của HĐQT, tuân thủ theo các quy định của pháp luật, chỉ đạo quyết liệt chi tiết, cụ thể kịp thời, có đánh giá, kiểm soát việc thực hiện tại tất cả các đơn vị. Chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng Giám đốc để điều hành SXKD; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

3. Đối với các nhà đầu tư, cổ đông

Giữa hai kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên 2021-2022, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hay cổ đông lớn theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác của công ty và các đơn vị trực thuộc

Ban kiểm soát luôn luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các người điều hành khác trong các hoạt động của Ban. Sẵn sàng tiếp nhận thông tin kiểm tra xem xét khi có yêu cầu của HĐQT, của Ban Tổng giám đốc và các cổ đông.

- HĐQT, Tổng giám đốc đã cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, quyết định cho BKS, tạo điều kiện cho BKS trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty, giúp BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

VI. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2017-2022

Đại hội cổ đông lần này là Đại hội kết thúc 5 năm nhiệm kỳ lần thứ nhất của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình Ban kiểm soát đã thực hiện tốt vai trò giám sát của mình, để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm và mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quyền lợi của các cổ đông của Công ty

Ban kiểm soát xin báo cáo tổng quát kết quả hoạt động Công ty trong nhiệm kỳ 2017-2022, thể hiện qua các chỉ tiêu cụ thể như sau:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2017-2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	9 tháng Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Sản lượng nước máy thương phẩm	1.000 m ³	31.599	45.669	50.440	54.141	56.600
2	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	12	11	10,9	10,5	10,3
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	307.818	430.075	473.516	500.942	521.918

4	Tổng số lao động	Người	930	920	926	919	919
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	1.000 đ	7.526	7,8	7,98	8.400	8.710
6	Nộp Ngân sách nhà nước	1.000 đ	21.448	40.125	55.354	61.071	61.960
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	23.558	43.796	48.289	51.882	51.947
8	Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	%	5	6,8	7,3	7,4	7,7

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ đầu tiên (2017-2022) dưới sự lãnh đạo chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc các chỉ tiêu SXKD hàng năm đều tăng trưởng ổn định, năm sau cao hơn năm trước, đời sống người lao động ngày càng cải thiện. hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Qua 5 năm hoạt động, Ban kiểm soát nhiệm kỳ thứ nhất của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương được sự tin nhiệm của Quý vị cổ đông sự phối hợp hỗ trợ tạo điều kiện của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 đã hoàn thành nhiệm vụ của mình.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

- Kiểm tra giám sát việc tổ chức công tác kế toán thống kê, lập báo cáo tài chính của Công ty, việc tuân thủ và thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến công tác tài chính, kế toán, thống kê;

- Thẩm định BCTC hàng quý, bán niên và cả năm 2022;

- Tham gia công tác chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;

- Kiểm tra, giám sát các thủ tục trình tự công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Xây dựng báo cáo quản trị 6 tháng, cả năm và báo cáo thường niên trình ĐHĐCĐ;

- Đề xuất lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính năm 2022;

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, thực thi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;

- Thực hiện Các chương trình soát xét khác.

VII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị HĐQT, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục triển khai quyết liệt công tác thu hồi công nợ, đặc biệt là những khoản công nợ phải thu khó đòi; cập nhật hoàn thiện các tài liệu, hồ sơ công nợ với mỗi đối tượng khách hàng; thực hiện trích lập dự phòng các khoản công nợ phải thu khó đòi đầy đủ theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục rà soát hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cho phù hợp với các quy định hiện hành để hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty. Tham khảo ý kiến của Ban kiểm soát trước khi ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoạt động Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát năm 2021.

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua.

Nơi nhận:

- Tài liệu ĐHĐCĐ;
- HĐQT; Ban TGD;
- Ban KS;
- Lưu VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Trần Thị Thanh Ngân

Số: 881/TTr-HĐQT

Hải Dương, ngày 09 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2021
và kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2022

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương.

Căn cứ Nghị quyết số 1047/NQ-ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021.

Căn cứ Công văn số 1331/UBND-VP của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ngày 13/5/2022 về việc chấp thuận quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2022 của Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 như sau:

I. Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2021.

1. Mức lương, thù lao và tổng quỹ lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021:

Mức lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách	29.500.000	Đồng/tháng
Mức lương Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách	26.500.000	Đồng/tháng
Mức lương Thành viên HĐQT chuyên trách	25.000.000	Đồng/tháng
Mức thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách	5.000.000	Đồng/tháng
Mức lương Trưởng BKS	23.000.000	Đồng/tháng
Mức lương Kiểm soát viên chuyên trách	16.000.000	Đồng/tháng
Mức thù lao Kiểm soát viên không chuyên trách	3.200.000	Đồng/tháng

2. Nguyên tắc trả lương:

- Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty (TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng) hưởng lương chuyên trách đối với các chức danh quản lý, lãnh đạo đó không hưởng thêm thù lao thành viên HĐQT.

- Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thì được hưởng thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS

HDQT hưởng lương chuyên trách gồm có 02 người: Chủ tịch HDQT, Phó chủ tịch HDQT.

HDQT Hưởng thù lao có: 01 người.

BKS hưởng lương chuyên trách gồm có: 02 người, Trưởng BKS, 01 Thành viên.

BKS hưởng thù lao có 01 người.

Tổng Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch theo mức lương và thù lao được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua là: 1.238.400.000 đồng (Một tỷ, hai trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng).

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1	Sản lượng nước sạch doanh thu	m ³	56.500.000	56.606.000	100,19%
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	490.000	491.500	100,31%
	<i>Doanh thu trên báo cáo</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>490.000</i>	<i>489.500</i>	
	<i>Hỗ trợ covid</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>-</i>	<i>2.000</i>	
3	Lao động bình quân (không kể người quản lý điều hành)	Người	945	919	97,25%
4	Năng suất lao động	m ³ /ng/năm	59.788	61.595	103%
5	Nộp ngân sách	Tr.đ	61.300	61.960	101%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	51.940	51.947	100%
7	Bảo toàn và PT vốn	Tr.đ	408.528,4	427.314,8	105%

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về thù lao, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước. Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương giữ nguyên tiền lương, thù lao của HDQT và BKS theo đúng kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua.

Tổng Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 của HDQT, BKS là: 1.238.400.000 đồng (Một tỷ, hai trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng).

II. Mức tiền lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của HDQT, BKS năm 2022.

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Sản lượng nước sạch	m ³	58.300.000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	517.800
3	Lao động bình quân	Người	945
4	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	8,723
5	Năng suất lao động	m ³ /ng/năm	61.693
6	Nộp ngân sách	Triệu đồng	63.300
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	52.900
8	Bảo toàn và PT vốn	Triệu đồng	427.314,8

2. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2022 của HĐQT, BKS.

Căn cứ quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016, và tình hình thực tế SXKD, Hội đồng quản trị đề xuất xây dựng mức tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2022 cụ thể như sau:

T T	Chức danh quản lý	Mức lương (đồng/tháng)	Mức thù lao (đồng/tháng)	Số tháng	Tổng tiền lương KH (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	32.000.000		12	384.000.000
2	Phó CT HĐQT	28.500.000		12	342.000.000
3	Thành viên HĐQT (CTr)	25.000.000		0	0
4	Thành viên HĐQT (không CTr)		6.000.000	12	72.000.000
5	Trưởng BKS (CTr)	24.500.000		12	294.000.000
6	Thành viên BKS (CTr)	16.000.000		12	192.000.000
7	Thành viên BKS (không CTr)		3.200.000	12	38.400.000
	Tổng cộng :				1.314.400.000

Tổng Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2022 của HĐQT, BKS là: 1.314.400.000 đồng (Một tỷ, ba trăm mười bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng.)

3. Quyết toán tiền lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao thực hiện.

Cuối năm, căn cứ vào mức lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch tại khoản 2 mục II ; Kết quả thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 tại khoản 1 mục II Tờ trình này và quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và báo cáo ĐHCĐ thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tài liệu Đại hội.



Nguyễn Văn Phụng

Số: 882 /BC-HĐQT

Hải Dương, ngày 09 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO
Công khai lợi ích liên quan của người nội bộ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021.

Qua tổng báo cáo công khai của người nội bộ công ty, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương tổng hợp báo cáo Đại hội đồng cổ đông về công khai lợi ích liên quan của người nội bộ cụ thể như sau:

1. Danh sách người nội bộ công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Mạnh Dũng	Chủ tịch HĐQT
2	Phạm Minh Cường	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc
3	Nguyễn Văn Phụng	Phó Chủ tịch HĐQT – Phó Tổng giám đốc
4	Vũ Văn Nhân	Thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc
5	Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT- Kế toán trưởng
6	Phạm Thị Mận	Thành viên HĐQT
7	Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên HĐQT- Phó tổng giám đốc
8	Trần Thị Thanh Ngân	Trưởng Ban kiểm soát
9	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên Ban kiểm soát
10	Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên Ban kiểm soát
11	Trần Hữu Định	Thư ký công ty – Người quản trị nội bộ

2. Lợi ích có liên quan của người nội bộ

2.1. Ông Vũ Mạnh Dũng – Chủ tịch HĐQT

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 39.400 cổ phiếu, chiếm 0,124% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Hải Dương: 9.564.742 cổ phiếu, chiếm 30% vốn điều lệ thực góp.

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Thị Hà	141786513	Em gái	7.300	0,0229
2	Nguyễn Bá Quyết	141786366	Em rể	171.200	0,538

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Hưởng lương Chủ tịch HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.2. Ông Phạm Minh Cường - Thành viên HĐQT- TGĐ

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 117.403 cổ phiếu, chiếm 0,368% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Hải Dương: 2.789.716 cổ phiếu, chiếm 8,75% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Bích Liên	141550662	Vợ	8.100	0,025

2	Phạm Trung Kiên	141361402	Em trai	17.800	0,056
---	-----------------	-----------	---------	--------	-------

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Hưởng lương Tổng giám đốc.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.3. Ông Nguyễn Văn Phụng - Phó Chủ tịch HĐQT

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 28.700 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Hải Dương: 2.789.716 cổ phiếu, chiếm 8,75% vốn điều lệ thực góp.

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Trâm Anh	142351170	Con gái	8.100	0,025
2	Phạm Văn Thao	142161062	Con rể	3.300	0,01

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.4. Ông Vũ Văn Nhân - Thành viên HĐQT – PTGD thường trực

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 29.200 cổ phiếu, chiếm 0,092% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Hải Dương: 2.789.716 cổ phiếu, chiếm 8,75% vốn điều lệ thực góp.

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Văn Lực	141371768	Em trai	6.300	0,0198
2	Vũ Văn Tuấn	141635876	Em trai	2.000	0,0063
3	Vũ Văn Tú	141601792	Em trai	6.600	0,0207

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Phó tổng giám đốc thường trực.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.5. Bà Nguyễn Thị Hương - Thành viên HĐQT- Kế toán trưởng

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 24.325 cổ phiếu, chiếm 0,076% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Hải Dương: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Đỗ Ngọc Phương	141363678	Chồng	6.300	0,020
2	Đỗ Minh Phương	142575478	Con gái	5.100	0,016
3	Nguyễn Thị Hằng	141355936	Chị gái	6.365	0,020

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Kế toán trưởng và phụ cấp Trưởng phòng Tài chính kế toán.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.6. Bà Phạm Thị Mận - Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần cấp nước Phúc Hưng Hải Dương

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp
 Sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần cấp nước Phúc Hưng Hải Dương: 3.900.000 cổ phiếu, chiếm 12,232% vốn điều lệ thực góp.
 Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp.
 Sở hữu chứng khoán của cá nhân tại công ty khác: Cổ phần tại Công ty cổ phần cấp nước Phúc Hưng Hải Dương chiếm 40% vốn điều lệ; cổ phần tại Công ty TNHH Hà Đức Trang chiếm 95% vốn điều lệ.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Hội đồng quản trị.

Lợi ích khác liên quan đối với Công ty: Không có.

2.7. Ông Nguyễn Thanh Sơn – Thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 30.100 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Hải Dương: 2.789.716 cổ phiếu, chiếm 8,75% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	142360219	Em gái	7.065	0,022
2	Nguyễn Văn Đoàn	141241863	Anh rể	36.900	0,116
3	Vũ Bá Long	142265395	Em rể	27.300	0,086

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Phó tổng giám đốc công ty.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.8. Bà Trần Thị Thanh Ngân - Trưởng BKS

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 11.851 cổ phiếu, chiếm 0,037% vốn điều lệ.

Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Trưởng Ban kiểm soát

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.9. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thành viên BKS

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 8.400 cổ phiếu, chiếm 0,026% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Quốc Nghĩa	141939518	Anh trai	7.865	0,025
2	Phạm Thị Yên	142493161	Chị dâu	8.200	0,02

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương thành viên Ban kiểm soát chuyên trách.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.10. Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thành viên BKS

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Nhân viên : Phòng Tài chính kế toán CTCP cấp nước Xuân Hưng

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp
Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp
Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp
Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Ban kiểm soát
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.11. Ông Trần Hữu Định – Thư ký công ty – Người phụ trách quản trị công ty

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
Sở hữu cá nhân: 5.365 cổ phiếu, chiếm 0,00017% vốn điều lệ.
Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp
Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp
Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Thư ký công ty
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Hợp đồng mua nước sạch với nhà đầu tư chiến lược là Công ty cổ phần cấp nước Phúc Hưng Hải Dương;
- Hợp đồng bán nước sạch cho nhà đầu tư chiến lược là Công ty cổ phần cấp nước Xuân Hưng.

Các hợp đồng chuyển tiếp trước khi công ty chuyển đổi mô hình sang công ty cổ phần, giá bán buôn nước sạch theo phương án giá tiêu thụ nước sạch được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt.

Trên đây là báo cáo công khai lợi ích liên quan của người nội bộ Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ thường niên thảo luận thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tài liệu Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phụng

Số: 880 /TTr-BKS

Hải Dương, ngày 09 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Thông qua tiêu chí và danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập các báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương thông qua ngày 25/6/2021;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-HĐQT ngày 29/6/2021.

Căn cứ Quyết định số 2141/QĐ-BTC ngày 12/11/2021 của Bộ tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022;

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tiêu chí lựa chọn, danh sách đề xuất lựa chọn các doanh nghiệp kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty năm 2022 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập thuộc danh sách các doanh nghiệp kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022 theo quyết định số 2141/QĐ-BTC ngày 12/11/2021 của Bộ tài chính và được UBCK nhà nước chấp thuận;

- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và kinh nghiệm, trung thực, khách quan, có uy tín, đề cao đạo đức nghề nghiệp;

- Không có quan hệ mua bán cổ phiếu, tài sản hoặc góp vốn liên doanh với Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương;

- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ và chất lượng kiểm toán;

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Danh sách đề xuất các đơn vị kiểm toán:

- Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt nam (VAE)

- Công ty TNHH kiểm toán An Việt (ANVIET)

- Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY (UHY).

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn và ký kết hợp đồng đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Trần Thị Thanh Ngân

Hải Dương, ngày 30 tháng 6 năm 2022

**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2022 - 2027**

Nhiệm kỳ 2017-2022 dưới sự điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty đồng thời với sự hỗ trợ nhiệt tình, chỉ đạo của UBND tỉnh, các Sở, Ban ngành, Đảng ủy công ty, Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đã đạt được một số thành quả kinh doanh nhất định, thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước và không ngừng cải thiện đời sống vật chất cũng như tinh thần cho cán bộ công nhân viên, nội bộ luôn đoàn kết thống nhất, khắc phục khó khăn, hoàn thiện nhiệm vụ được giao.

Khai thác, kế thừa và phát huy những thế mạnh đã có trước đây để ngày càng củng cố vị trí và uy tín của Công ty, Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương xây dựng định hướng phát triển nhiệm kỳ 2022-2027 như sau:

Nội dung xây dựng chiến lược:

- Phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động của Công ty giai đoạn 2017-2022 nhận định các điểm mạnh, điểm yếu của Công ty.
- Phân tích những yếu tố tác động của môi trường bên ngoài, nhận định các rủi ro, cơ hội và thách thức.
- Xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2022-2027, định hướng đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050.

**CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU CHUNG
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG**

I. GIỚI THIỆU CHUNG:

1. Các thông tin chung:

1.1 Tên Công ty.

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG.
- Tên tiếng Anh: HAI DUONG WATER JOINT STOCK COMPANY.
- Tên Tiếng Anh viết tắt: HADUWACO.

1.2. Hình thức: Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

1.3. Trụ sở đăng ký hoạt động:

- Địa chỉ: Số 10, đường Hồng Quang, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: (0320)3840380 – 3859104

- Fax: (0320)3859010

- Email: ctycnhd@vnn.vn

- Website: hdwaco.com.vn

Việc di dời trụ sở đi nơi khác (nếu có) sẽ do Đại Hội đồng cổ đông quyết định.



1.4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

1.5. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc liên doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

1.6. Thời hạn hoạt động của Công ty được tính từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và là vô thời hạn. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty thực hiện theo Điều 53 của Điều lệ Công ty (sửa đổi năm 2021).

1.7. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị xã hội. Tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Ngành nghề kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh

2.1.1. Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.

Chi tiết: Khai thác, xử lý và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác.

2.1.2. Thoát nước và xử lý nước thải.

2.1.3. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết:

- Xây dựng các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn.

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

2.1.4. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí

Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa

2.1.5. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chi tiết:

- Thiết kế các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn.

- Tư vấn các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

- Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

- Tư vấn và chuyển giao công nghệ xử lý nước.

2.1.6. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu.

Chi tiết: Tư vấn, chuyển giao công nghệ và cung cấp các ứng dụng Công nghệ thông tin trong lĩnh vực cấp thoát nước.

2.1.7. Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng

Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết.

2.1.8. Bán buôn đồ uống.

Chi tiết: Kinh doanh nước uống tinh khiết.

2.1.9. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Chi tiết: Vận chuyển phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải.

2.1.10. Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

42.1.11. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Chi tiết:

- Kinh doanh sản phẩm gia công cơ khí, máy móc, vật tư, thiết bị ngành nước.

thị trấn Sặt (huyện Bình Giang) và thị trấn An Lư (huyện Kinh Môn) theo Quyết định số 268/QĐ-UB ngày 12/03/2003 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1224/QĐ-UB, Quyết định số 3012/2003/QĐ-UB của UBND tỉnh Hải Dương.

Năm 2005, thực hiện Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 12/07/2005 của UBND tỉnh về việc chuyển đổi DNNN - Công ty cấp nước Hải Dương thành Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hải Dương.

Năm 2006, Công ty triển khai Dự án xây dựng HTCN thành phố Hải Dương công suất 50.000m³/ng.đ và tuyến đường ống truyền dẫn cấp cho các khu công nghiệp, khu dân cư trên địa bàn thành phố Hải Dương bằng nguồn vốn ORET (Hà Lan) và vốn đối ứng trong nước.

Năm 2009, triển khai Xây dựng HTCN từ nguồn vốn WB ở thị trấn 4 huyện: thị trấn Gia Lộc (huyện Gia Lộc), thị trấn Thanh Hà (huyện Thanh Hà), thị trấn Thanh Miện (huyện Thanh Miện) và thị trấn Minh Tân - Phú Thù (huyện Kinh Môn).

Xác định rõ hệ thống các công trình cấp nước là bộ phận quan trọng trong kết cấu hạ tầng xã hội nói chung, được sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường là nhu cầu cấp thiết, là đòi hỏi bức bách trong bảo vệ sức khỏe, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống hàng ngày của mỗi người dân.

Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao cung cấp nước sạch cho nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh (không phân biệt cấp nước đô thị và nông thôn) nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII đề ra và thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Công ty đã tích cực tham mưu cho tỉnh phương án cấp nước theo chuỗi vùng, nguồn nước từ các nhà máy khai thác các sông lớn có trữ lượng và chất lượng đảm bảo, dây truyền công nghệ hiện đại để thay thế cho các trạm cấp nước sử dụng nguồn nước sông nội đồng đã bị ô nhiễm và nguồn nước ngầm đã bị cạn kiệt và xâm thực mặn, tạo động lực thúc đẩy các thành phần kinh tế tham gia xã hội hóa phát triển dịch vụ cấp nước chất lượng và hiệu quả kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho sinh hoạt và hoạt động sản xuất kinh doanh của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, công ty ngày càng phát triển và phát triển bền vững.

Giai đoạn 2011-2016, được sự quan tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban điều hành Chương trình mục tiêu Quốc gia Nước sạch và VSMT nông thôn và các Sở ngành, địa phương, sự nỗ lực cố gắng của tập thể cán bộ công nhân viên, người lao động trong toàn công ty, Công ty triển khai đầu tư xây dựng nhiều hệ thống cấp nước sạch cho các xã nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh và đầu tư các tuyến ống truyền tải chính và các công trình nguồn cấp nước theo chuỗi vùng khu vực theo đúng Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới cấp nước sạch tỉnh Hải Dương năm 2020, định hướng đến năm 2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đồng thời triển khai thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp thành Công ty cổ phần.

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 01/4/2017.

Thực hiện định hướng chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2017-2022 được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương phê duyệt, dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ủy Công ty, quyết định, chỉ đạo giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, sự chỉ đạo điều hành của Ban Tổng Giám đốc và nỗ lực phấn đấu của tập thể CBNV- NLĐ toàn công ty đã thành các mục tiêu của chiến lược đã đề ra.

Đến nay, tổng công suất khai thác, xử lý nước toàn Công ty đạt 225.000m³/ngđêm, phạm vi cấp nước được mở rộng trên địa bàn toàn tỉnh dịch vụ cấp nước cho các đô thị và hơn 100 xã nông thôn với tổng số trên 252.000 hộ khách hàng (chưa kể các hộ sau đồng hồ tổng).

5. Thành tựu:

Các phần thưởng mà công ty đã đạt được:

- Huân chương lao động hạng nhất năm 2010;
- Nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành, UBND tỉnh;

6. Hệ thống tổ chức hoạt động của công ty:

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Tổng Giám đốc.
- Các phòng ban, Chi nhánh trực thuộc.
- Nguồn nhân lực:

Bảng: Cơ cấu lao động của HADUWACO

TT	Loại lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo trình độ	923	100
1	Trên Đại học	19	2,06
2	Đại học	367	39,76
3	Cao đẳng	109	29,70
4	Trung cấp	105	11,38
5	Công nhân kỹ thuật, LĐPT, trình độ khác	323	34,99
II	Phân loại theo hợp đồng lao động	923	100
1	Không thuộc diện ký HĐLĐ	1	0,100
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	922	94,90
3	Hợp đồng xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm	46	5,00
III	Phân loại theo giới tính	923	100
1	Nam	550	60,00
2	Nữ	373	40,00

7. Vốn điều lệ, cổ phần

7.1. Vốn điều lệ của Công ty là 318.824.700.000 đồng (Ba trăm mười tám tỷ, tám trăm hai mươi tư triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ được chia thành 31.882.470 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam (VNĐ), ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam đồng (VNĐ).

7.2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

7.3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương ngày 25/6/2021 bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ tổ chức và hoạt động.

7.4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

7.5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7.6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7.7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

8. Vốn điều lệ, cổ phần.

Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam (VNĐ), ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam đồng (VNĐ).

- Vốn điều lệ của Công ty là **318.824.700.000** đồng (*Ba trăm mười tám tỷ, tám trăm hai mươi tư triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn*).

- Đại hội đồng cổ đông quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ theo quy định của pháp luật và Công ty đăng ký lại vốn điều lệ với Cơ quan có thẩm quyền cấp Đăng ký.

- Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi Điều lệ Công ty, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh hoặc trường hợp chia tài sản của Công ty khi giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

9. Cổ phần:

- Vốn điều lệ của Công ty được chia thành: **31.882.470** cổ phần.

- Mệnh giá : 10.000 VNĐ/cổ phần.

- HADUWACO chỉ phát hành một loại cổ phần, đó là cổ phần phổ thông.

- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Tỷ lệ sở hữu Nhà nước : 20.723.606 cổ phần chiếm : 65,00%

- Các nhà đầu tư chiến lược: 5.400.000 cổ phần chiếm : 16,94%

- Cổ đông khác : 5.758.864 cổ phần chiếm: 18,36%

10. Thoái vốn nhà nước:

Thực hiện theo Quyết định số 22/2021/QĐ- TTg ngày 02/7/2021 của Thủ Tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 360/2021/QĐ- TTg ngày 17/3/2021 của Thủ Tướng Chính phủ và chỉ đạo của UBND tỉnh Hải Dương.

CHƯƠNG II. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG (GIAI ĐOẠN 2017 – 2022)

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2017-2022:

1. Về hoạt động sản xuất và kinh doanh nước sạch

Sản xuất và kinh doanh nước sạch là hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Năm 2017 sau khi triển khai thành công cấp nước cho một số khu vực nông thôn theo phương án cấp nước theo chuỗi vùng khoa học, hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo có tầm nhìn và hướng tới dịch vụ cấp nước bền vững.

Giai đoạn từ 2017-2022, Công ty được UBND tỉnh giao là đơn vị chủ lực trong phát triển dịch vụ cấp nước sạch cho nhân dân trong tỉnh, tuy rất khó khăn về tài chính, nhưng công ty đã tìm kiếm và huy động các nguồn vốn để đầu tư các dự án công trình; đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng công suất các nhà máy, các đường ống truyền tải theo phương án cấp nước chuỗi vùng, mở rộng địa bàn dịch vụ và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Đến thời điểm 31/12/2021, Công ty quản lý vận hành 10 nhà máy sản xuất xử lý nước với tổng công suất: 225.000m³/ngđ và 11 trạm bơm tăng áp với tổng công suất 89.000m³/ngđ. Chất lượng nước trên toàn mạng cấp nước sạch đảm bảo đúng tiêu chuẩn quốc gia QCVN01-1:2018/BYT và đạt theo quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước ăn uống QCĐP 01:2021/HD ban hành theo Quyết định số 27/2021/UBND - QĐ ngày 18/11/20 của UBND tỉnh Hải Dương.

1.1. Quy mô công suất và phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Bảng quy mô công suất và phạm vi hoạt động SXKD

Năm	Tổng công suất TK (m ³ /ng.đ)	Nước sản xuất (triệu m ³)	Nước doanh thu (triệu m ³)	Số hộ khách hàng (hộ)
2017	180.000	47,862	40,985	211.304
2018	185.000	53,726	45,669	220.888
2019	190.000	59,958	50,426	230.889
2020	200.000	64,174	54,141	240.454
2021	225.000	65,918	56,600	248.782

Quy mô công suất: tăng hàng năm, phạm vi dịch vụ không ngừng được mở rộng, tỷ lệ thất thoát giảm.

1.2. Các chỉ tiêu tài chính:

Bảng về chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2017-2021

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Tổng tài sản	1.017.341	1.013.603	994.841	972.750	962.239
2	Vốn chủ sở hữu	349.026	375.739	390.881	408.528	427.314
3	Nợ ngắn hạn	95.503	110.744	162.750	123.524	111.184
4	Nợ dài hạn	572.812	527.119	441.209	440.697	423.740

2. Lao động và tiền lương:

4.1. Tình hình lao động:

STT	Loại lao động	Đơn vị	Tháng 4/2017		Tháng 12/2021	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
	Tổng lao động	Người	930		919	
I	Phân theo trình độ					
1	Trên Đại học	Người	16	2%	35	4%

2	Đại học, cử nhân, cao đẳng	Người	488	52%	481	52%
3	Trung cấp, CN Kỹ thuật	Người	426	46%	403	44%
II	Phân theo giới tính					
1	Nam	Người	535	58%	514	56%
2	Nữ	Người	395	42%	405	44%
III	Phân theo độ tuổi					
1	Từ 18 đến 35	Người	225	24%	256	28%
2	Trên 35 đến 50	Người	515	55%	506	55%
3	Trên 50	Người	190	20%	157	17%

Tình hình Lao động: của Công ty có chất lượng khá cao đã qua đào tạo, đây là lực lượng sản xuất trực tiếp. Lao động gián tiếp thuộc khối văn phòng đều có trình độ Đại học, cao đẳng trở lên. Công ty luôn trú trọng công tác đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề, năng lực, sở trường, sức khỏe và tuổi tác của người lao động, Công ty tiến hành tổ chức đào tạo bồi dưỡng bằng nhiều phương pháp khác nhau: đào tạo tại chỗ, đào tạo kỹ thuật trong phạm vi trách nhiệm và nhiệm vụ của người lao động nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho người lao động. Khuyến khích người lao động sử dụng thời gian rỗi để trao đổi kiến thức. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ quản trị được trang bị kiến thức kinh doanh hiện đại, tạo điều kiện cho các cán bộ làm chủ được các yếu tố bên ngoài thị trường, hạn chế lãng phí gây tổn thất do không hiểu biết gây ra.

Cạnh đó, trình độ văn hóa, nghiệp vụ chuyên môn lý luận chính trị của cán bộ nhân viên trong Công ty không đồng đều. Tuy nhiên, trong thời gian tới để bắt kịp cùng với sự phát triển của đất nước, của nền kinh tế cũng như sự phát triển của ngành thì Công ty cần trú trọng, quan tâm đến việc nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn, nhận thức cho cán bộ nhân viên.

Bảng: Thu nhập của người lao động giai đoạn 2017-2021

TT	Chỉ tiêu	9 tháng 2017	2018	2019	2020	2021
1	Tổng số lao động (người)	930	920	927	919	919
2	Thu nhập bình quân Ng.đồng/người/tháng	8.143	7.800	7.980	8.400	8.710

Thu nhập bình quân: thu nhập bình quân đầu người tăng. Năm 2018 thu nhập bình quân 7.800.000 đồng người/tháng thì đến năm 2021 là 8.700.000 đồng người/tháng. Thu nhập của cán bộ công nhân viên trong Công ty ngày càng được nâng cao, điều này hợp với quy luật phát triển, sẽ tạo động lực cho người lao động làm việc ngày càng hiệu quả hơn.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2017-2021:

Với thương hiệu, uy tín, vị thế của Công ty đã được khẳng định qua nhiều năm hoạt động, giai đoạn 2017-2022, Công ty tiếp tục là đơn vị tiên phong chủ đạo trong phát triển dịch vụ cấp nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương và trong ngành cấp nước Việt Nam:

- Quy mô công suất tăng phạm vi dịch vụ không ngừng được mở rộng, hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, tỷ suất lợi nhuận tăng dần so với mặt bằng chung của toàn ngành.

- Tài chính ổn định trong khi phải triển khai thực hiện đầu tư nhiều dự án công trình cho phát triển dịch vụ cấp nước, tài sản được tích lũy, thị trường được mở rộng nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng cao đã tạo dựng được tiền đề cho công ty phát triển bền vững.

- Tổ chức ổn định với đội ngũ nhân viên gắn bó với công ty.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những bất cập hạn chế cần phải được khắc phục để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Thứ nhất: Phạm vi cấp nước mở rộng, nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt và hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng tăng tuy công suất của các nhà máy nước đầu nguồn đã được đầu tư cải tạo nâng công suất, một số tuyến đường ống truyền tải đã được đầu tư nhưng còn một số tuyến chưa được đầu tư do vướng mắc về mặt bằng thi công, do vậy một số khu vực vùng sâu, vùng xa vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ.

Thứ hai: Tổ chức bộ máy cần tổ chức, sắp xếp lại theo hướng tinh gọn để phát huy hết hiệu quả nguồn nhân lực hiện có.

Thứ ba: Áp lực về trả cổ tức cho các cổ đông khi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần rất lớn, trong khi đó cần đầu tư vốn để duy trì ổn định sản xuất, mở rộng phát triển dẫn đến khó khăn về tài chính.

CHƯƠNG II. PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG CỦA NỘI TẠI CỦA CÔNG TY VÀ MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI

I. PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ NỘI TẠI CỦA CÔNG TY.

Từ đánh giá thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty giai đoạn 2017-2022 là cơ sở để phân tích chỉ ra các điểm mạnh để phát huy, các điểm yếu để khắc phục để xây dựng chiến lược phát triển của công ty giai đoạn 2022-2027, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Những điểm mạnh yếu của công ty.

ĐIỂM MẠNH (S)	ĐIỂM YẾU (W)
<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh mặt hàng thiết yếu đã xây dựng được uy tín thương hiệu. - Phạm vi dịch vụ cấp nước ngày càng được mở rộng. - Ban lãnh đạo Công ty có nghiệp vụ vững chắc, thích ứng nhanh nhạy với các sự thay đổi của yếu tố chính trị, thị trường tác động đến SXKD; - Nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn, gắn bó với công ty - Công ty đã ứng dụng các tiến bộ của KHCN xây dựng được Hệ thống quản trị doanh nghiệp tiên tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh đồng thời giúp đỡ được nhiều đơn vị cùng ngành trong toàn quốc, 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa phát huy hết hiệu quả nguồn nhân lực hiện có. - Giai đoạn hiện tại Công ty đang trong quá trình đầu tư phát triển mở rộng phạm vi dịch vụ cấp nước nên cần nhiều vốn; - Nguồn vốn cần cho đầu tư là rất lớn - Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, giá nước sạch do nhà nước quản lý theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do giá trị tài sản lớn, mức giá không đủ bù đắp chi phí sản xuất thực tế. Nếu tính đủ các yếu tố chi phí của giá thành thì giá tiêu thụ nước sạch sẽ tăng đột biến làm ảnh hưởng lớn đến phát triển sản xuất và an sinh xã hội của nhân dân. Đây là một điểm yếu của Công ty khi hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, nhưng lại là

	<p>doanh nghiệp nhà nước phải tự hạch toán thu chi, lãi lỗ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ trọng cấp nước nông thôn lớn, chi phí đầu tư cao, sản lượng tiêu thụ thấp, doanh thu không đủ bù đắp chi phí. - Giá nước sạch do UBND tỉnh quyết định do vậy khi tăng các chi phí đầu vào nhưng giá nước công ty không được điều chỉnh kịp thời để đủ bù đắp chi phí.
--	---

II. PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG CỦA MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI.

1. Môi trường bên ngoài :

Sau 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2015 - 2020, kinh tế vĩ mô dần ổn định, tích lũy nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành phát triển kinh tế - xã hội, niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp. Tuy nhiên, những khó khăn, hạn chế nội tại của nền kinh tế đã ảnh hưởng không nhỏ tới phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. Ảnh hưởng từ bên ngoài gia tăng, cạnh tranh ngày càng gay gắt, trong khi độ mở của nền kinh tế cao, sức chống chịu còn hạn chế; tác động của biến đổi khí hậu ngày càng mạnh, các loại dịch bệnh xảy ra, đặc biệt là đại dịch Covid-19, ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân và khả năng hoàn thành mục tiêu kế hoạch 5 năm.

Trong bối cảnh đó, nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và sự chung sức, đồng lòng, nỗ lực vượt bậc, quyết liệt, kịp thời của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cộng đồng doanh nghiệp, nhất là trong năm 2020 vừa tập trung phòng, chống dịch bệnh, vừa duy trì, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, chúng ta đã thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra^[1], vượt qua khó khăn, thách thức và đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật.

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) giai đoạn 2016 - 2019 đạt khá cao, ở mức bình quân 6,8%/năm. Mặc dù từ các năm 2019-2021 kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, thiên tai, bão lụt nghiêm trọng ở miền Trung nhưng tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 2017 - 2021 đạt khoảng 6%/năm và thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất khu vực, thế giới. Trong đó, khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt, đóng góp chủ yếu vào mức tăng trưởng chung. Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2017 - 2021 của khu vực công nghiệp và xây dựng ước đạt 7,45% và của khu vực dịch vụ đạt 6,2%; tỉ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ (bao gồm xây dựng) theo giá sản xuất trong GDP tăng từ mức 82,6% năm 2015 lên 84,8% năm 2020. Quy mô GDP tiếp tục được mở rộng, đến năm 2020 ước đạt 271,2 tỉ USD, tăng khoảng 1,4 lần so với năm 2015; GDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 2.779 USD, gấp khoảng 1,3 lần so với năm 2015. Các cân đối lớn của nền kinh tế về tích lũy - tiêu dùng, tiết kiệm - đầu tư, năng lượng, lương thực, lao động - việc làm,... tiếp tục được bảo đảm, góp phần củng cố vững chắc nền tảng kinh tế vĩ mô. Tỉ lệ tích lũy tài sản so với GDP theo giá hiện hành năm 2020 khoảng 26,7%. Giá cả các mặt hàng diễn biến tương đối ổn định. Lạm phát cơ bản bình quân được kiểm soát tốt qua các năm, giữ mức tương đối ổn định, bình quân giai

đoạn 2016 - 2020 đạt 1,81%. Sau ảnh hưởng đại dịch Covid -19 các chính sách và giải pháp Chính phủ thực thi đều kiên trì với 3 mục tiêu ưu tiên: Kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ thị trường để có tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý và bảo đảm an sinh xã hội.

2. Các rủi ro:

2.1. Rủi ro về lạm phát

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê công bố cho thấy, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) từ năm 2017 tăng 4,74%, bình quân mỗi tháng tăng 0,4%. CPI bình quân hàng năm tăng 2,66%. Nhiều dấu hiệu cho thấy lạm phát đang quay trở lại, khi lạm phát vượt 5%, lãi suất danh nghĩa sẽ phải điều chỉnh tăng, có thể gây ảnh hưởng tới sản xuất kinh doanh và thị trường tài chính, tác động bất lợi đến tăng trưởng kinh tế nói chung, nhất là việc điều chỉnh giá của các mặt hàng thiết yếu, đặc biệt là do Nhà nước quản lý như xăng dầu, giáo dục, điện nước... Việc tăng giá các mặt hàng thiết yếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2.2. Rủi ro lãi suất

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thể sử dụng đến kênh huy động vốn từ tín dụng và chịu lãi suất sử dụng vốn vay, khi đó, chỉ cần một sự biến động nhỏ về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận của Công ty.

2.3. Rủi ro về luật pháp.

HADUWACO hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các chính sách của Chính phủ liên quan đến việc cung cấp nước sạch... Vì vậy, sự thay đổi chính sách về mặt Nhà nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp. Mặt khác, các quy định pháp luật, các văn bản luật và các luật liên quan vẫn còn đang trong quá trình hoàn thiện nhằm tạo hành lang pháp lý đồng bộ niên liên tục có những thay đổi, ảnh hưởng đến chiến lược phát triển và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty phải chủ động nghiên cứu nắm bắt sát sao các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp theo từng giai đoạn.

2.4. Các rủi ro đặc thù.

2.4.1. Rủi ro thất thoát

Nước sạch là một mặt hàng thiết yếu mang tính an sinh xã hội, hoạt động dịch vụ cấp nước phải thông qua hệ thống mạng lưới đường ống truyền dẫn chôn dưới đất, khách hàng sử dụng trước trả tiền sau và do việc thi công các công trình ngầm không đồng bộ dễ gây vỡ đường ống cấp nước, tình trạng gian lận nước sạch để sử dụng không qua đồng hồ đo đếm cũng góp phần làm tăng tỷ lệ thất thoát nước.

2.4.2. Rủi ro đầu vào sản xuất

Sản xuất nước sạch chịu sự ảnh hưởng lớn của hai yếu tố chính là nước thô và nguyên vật liệu.

- Nước thô phụ thuộc vào sự ổn định trữ lượng nguồn nước và chất lượng nước. Do đó, trong quá trình mở rộng sản xuất, Công ty có thể chịu rủi ro về nguồn nước, đặc biệt là vào mùa khô. Hiện nay, nguồn nước ngầm đã bị xâm thực mặn do tác động của biến đổi khí hậu. Ngoài ra, với tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa hiện nay, nguồn nước mặt chịu rủi ro ô nhiễm lớn từ nước thải sinh hoạt và công nghiệp ngày càng gia tăng.

- Nguyên nhiên liệu đầu vào chi phí lớn nhất là điện năng tiêu thụ khi giá điện

tăng sẽ dẫn đến chi phí sản xuất tăng.

2.4.3. Rủi ro giá đầu ra

Nước sạch là sản phẩm công ích mang tính an sinh xã hội giá tiêu thụ nước sạch chịu sự kiểm soát của Nhà nước. Các doanh nghiệp cấp nước phải tuân thủ các quy định pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước.

2.4.6. Rủi ro khác

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

3. Phân tích các thách thức và cơ hội

CƠ HỘI (O)	THÁCH THỨC (T)
<ul style="list-style-type: none">- Khi Việt Nam hội nhập nền kinh tế quốc tế thông qua việc ký kết hàng loạt hiệp định như TPP, FTA... việc tranh thủ tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới phục vụ ngành nước là một tất yếu và Công ty với bề dày kinh nghiệm tranh thủ tốt cơ hội này.- Chính phủ đang khuyến khích đẩy mạnh đầu tư hợp tác công tư (PPP) nhiều chính sách ưu tiên vào những ngành nghề trong chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam trong đó có dịch vụ cung ứng và sản xuất nước sạch, thu hút vốn đầu tư của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài bằng việc phát hành cổ phiếu ra công chúng- Điểm vàng cho sự phát triển.	<ul style="list-style-type: none">- Nền kinh tế có nhiều biến động bất thường dẫn đến nguy cơ lạm phát và tăng lãi suất vay ngân hàng.- Khi thu nhập đời sống dân cư dần nâng lên, đòi hỏi nguồn nước sạch thực sự chất lượng tăng, Công ty cần tiếp tục đầu tư hạ tầng, công nghệ để cung ứng sản phẩm chất lượng;- Trong dài hạn, việc cung cấp nước sạch cho các đô thị, các khu công nghiệp không dừng lại bởi Công ty mà có thêm những công ty khác tham gia thị trường, khi đó, công ty cần đổi mới để nâng cao sức cạnh tranh của mình trong lĩnh vực cung cấp nước sạch.

CHƯƠNG IV. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2022-2027

I. MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

1. Mục tiêu:

- Đảm bảo an ninh nước sạch; Sản xuất và cung cấp nước an toàn, tiến đến cấp nước an toàn với chất lượng và dịch vụ hoàn hảo, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Không ngừng nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động; Huy động và sử dụng vốn hiệu quả, hướng đến mục tiêu lợi nhuận, đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông, người lao động và cộng đồng; Thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Xây dựng HADUWACO trở thành đơn vị có trình độ quản lý tiên tiến, công nghệ hiện đại, sớm hội nhập với khu vực và thế giới.

2. Chiến lược phát triển

- Phát triển, mở rộng hệ thống cấp nước, phấn đấu đưa tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt 100%; Xây dựng HTCN thông minh, bền vững, hiệu quả, đảm bảo an toàn, an ninh nguồn nước, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, hoạt động SXKD có hiệu quả cao:

- Sản lượng nước thương phẩm tăng trưởng qua các năm;
- Duy trì tỷ lệ thất thoát thất thu nước dưới 11%;

- Doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm sau cao hơn năm trước;
- Tỷ lệ trả cổ tức phần đầu đạt 8,6% vào năm 2027;
- Triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nâng công suất các nhà máy xử lý nước, các trạm bơm tăng áp và các đường ống truyền tải nâng cao năng lực cấp nước, nâng tổng công suất từ 225.000m³ lên 250.000m³/ng.đ,
- Mở rộng ngành nghề hoạt động nhất là các lĩnh vực mà Công ty có lợi thế nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty: Công tác tư vấn thiết kế, quản trị ngành nước, thi công xây lắp và nhiều lĩnh vực khác.
- Phát hành thêm cổ phần phổ thông tăng vốn điều lệ để đầu tư phát triển công ty.
- Huy động tốt các nguồn vốn, phân kỳ các giai đoạn đầu tư hợp lý, đảm bảo cung cấp nước đáp ứng nhu cầu sử dụng cho sinh hoạt và hoạt động sản xuất kinh doanh, điều chỉnh giá nước đảm bảo đủ bù đắp chi phí để trích khấu hao trả nợ các dự án vay vốn đầu tư phát triển cấp nước.
- Tập trung đầu tư, đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm hoạt động SXKD có hiệu quả cao, tiến đến cung cấp dịch vụ hoàn hảo cho khách hàng; đảm bảo an ninh nước sạch.
- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, khoa học quản lý và khoa học công nghệ để hội nhập khu vực và thế giới; tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần CBCNV.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2022-2027

Trên cơ sở phân tích đánh giá thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh năm giai đoạn 2017-2022, các yếu tố ảnh hưởng của môi trường bên ngoài, chỉ ra được các điểm mạnh, yếu cơ hội, thách thức và các rủi ro, Công ty xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2022-2027 như sau:

Một số chỉ tiêu kế hoạch chính

Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Năm				
		2023	2024	2025	2026	2027
CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT NƯỚC MÁY						
Sản lượng nước máy sản xuất	1.000 m ³	67.416	69.663	71.910	74.719	76.966
Sản lượng nước thương phẩm	1.000 m ³	60.000	62.000	64.000	66.500	68.500
Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	11	11	11	11	11
Giá bán nước máy bình quân	Đ/m ³	8.593	8.581	8.578	8.534	8.540
CÁC CHỈ TIÊU CHUNG						
Lao động và thu nhập						
Tổng số lao động	Người	949	954	957	961	965
Thu nhập bình quân/người/tháng	Trđ	8,75	8,9	9,2	9,5	9,8
Nộp ngân sách nhà nước	Trđ	63.900	64.600	65.100	66.000	67.500
CÁC CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH						
Vốn điều lệ	Tr.đ	318.824,7	318.824,7	318.824,7	318.824,7	318.824,7
Tổng doanh thu	Tr.đ	537.200	553.600	570.500	587.000	600.700
Doanh thu nước sạch	Tr.đ	515.600	532.000	549.000	567.500	585.000
Doanh thu xây lắp	Tr.đ	13.500	13.200	13.000	11.000	7.100
Doanh thu dịch vụ+khác	Tr.đ	8.100	8.400	8.500	8.500	8.600

Chi phí SXKD	Trđ	470.000	485.300	501.100	516.400	528.800
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	67.200	68.300	69.400	70.600	71.900
Tỷ suất LN trước thuế/doanh thu	%	12,5%	12,3%	12,2%	12,0%	12,0%
Tỷ suất LN trước thuế trên vốn CSH	%	21,1%	21,4%	21,8%	22,1%	22,6%
Thuế TNDN	Trđ	13.500	13.700	13.900	14.200	14.400
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	53.700	54.600	55.500	56.400	57.500
Trích quỹ đầu tư phát triển	Trđ	16.110	16.380	16.650	16.920	17.250
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Trđ	12.403	12.395	12.388	12.380	12.831
Lợi nhuận để trả cổ tức (bao gồm cả phần vốn Nhà nước)	Trđ	25.187	25.825	26.462	27.100	27.419
Trong đó: cổ tức trả nhà nước	Trđ	16.372	16.786	17.201	17.615	17.822
Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	%	7,9%	8,1%	8,3%	8,5%	8,6%

Ghi chú: Kế hoạch trên được tính dựa trên Thuế TNDN là 20%.

III. CÁC GIẢI PHÁP

Để đạt được các mục tiêu, chiến lược phát triển và các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2022-2027 HADUWACO xây dựng các giải pháp cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực quản trị công ty.

1.1. Về quản trị chiến lược:

- Phân tích đánh giá những điều kiện chủ quan và khách quan, nghiên cứu áp dụng phương thức quản trị hiện đại. Xác định nhu cầu thị trường, định hướng phát triển của tỉnh để điều chỉnh chiến lược phát triển công ty giai đoạn năm 2022-2027, định hướng phát triển của công ty đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp;

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh theo hướng đa ngành nghề, phát triển và khai thác thị trường phát triển công tác tư vấn thiết kế, kinh doanh vật tư và thi công xây lắp.

- Chủ động xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, tổng hợp phân tích đánh giá.
- Cung ứng và quản lý vật tư đảm bảo cho sản xuất và thi công xây lắp kịp thời đặc biệt quan tâm đến chất lượng và giá cả của vật tư.

1.2. Về quản trị tài chính

- Hạch toán kế toán đảm bảo theo đúng pháp lệnh kế toán thống kê và chế độ chính sách của Nhà nước hiện hành, số liệu chính xác, chú trọng vai trò của kế toán quản trị, phân tích và phản ánh nhanh nhất kết quả SXKD tháng, quý, năm và tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty xem xét đưa ra quyết định kịp thời, chuẩn xác.

- Xây dựng, theo dõi việc thực hiện ngân sách hàng tháng, hàng quý, nâng cao quản lý hoạt động thu chi, quản trị dòng tiền. Đẩy mạnh hiệu quả công tác Quản lý tài sản

- Tăng cường kiểm tra công tác hạch toán kế toán, của các đơn vị, đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ kế toán, nhân viên kinh tế...

- Quản lý, sử dụng các nguồn vốn đúng mục đích có hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn.

- Tìm kiếm và tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ, các nguồn vốn vay có lãi xuất thấp cho các dự án chuẩn bị đầu tư.

1.3. Về quản trị nguồn nhân sự.

- Kiện toàn bộ máy tinh gọn; Tái cơ cấu các bộ phận, bố trí, sắp xếp cán bộ đúng việc, đúng chức năng nhiệm vụ, đổi mới quy trình quản lý, công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

- Quy hoạch cán bộ nguồn; Từng bước tiêu chuẩn hoá cán bộ theo chuyên môn được đào tạo, đảm bảo chất lượng cán bộ có năng lực, năng động với cơ chế quản lý mới. Mạnh dạn đề bạt cán bộ trẻ có kiến thức, năng lực tốt, nhạy bén trong cơ chế thị trường giữ các chức vụ chủ chốt. Chú trọng, quan tâm đào tạo cán bộ dự nguồn giai đoạn 2022-2027. Thực hiện chính sách luân chuyển cán bộ để đào tạo và phát huy cao nhất khả năng của cán bộ.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ CBCNV: Đào tạo cơ bản, chuyên sâu, đào tạo chuyên gia, đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước và đào tạo nước ngoài, tập trung đào tạo ở những ngành nghề còn thiếu như: Cấp thoát nước, Xây dựng, điện; đảm bảo tỷ lệ hài hoà giữa đại học, trung cấp và CNKT; Thi tuyển chức danh nội bộ

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu, đào tạo, xây dựng phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân đáp ứng mọi nhiệm vụ được giao.

- Lựa chọn tuyển dụng và có chế độ ưu đãi cán bộ chuyên ngành có năng lực.

- Tạo sự chuyển biến về nhận thức để người lao động đoàn kết, tích cực, chủ động và trách nhiệm hơn trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nghiên cứu các chế độ chính sách có liên quan đến người lao động, sắp xếp lại lao động, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với Công ty cổ phần.

1.4. Về quản trị sản xuất, kỹ thuật và khoa học công nghệ.

- Thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các đơn vị tuân thủ các quy trình kỹ thuật trong công tác sản xuất, vận hành hệ thống.

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp tối ưu trong sản xuất, ứng dụng công nghệ, thiết bị, vật liệu mới để hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Chú trọng đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới; Khuyến khích nghiên cứu, sáng tạo các sản phẩm, dịch vụ mới, các giải pháp mới, giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Quản lý thông minh HTCN: nâng cao hiệu quả công tác quản lý và vận hành, tối ưu hóa quá trình xử lý nước, điều vận, cung cấp nước với việc. Xây dựng Trung tâm điều khiển hiện đại có màn hình điện tử hiển thị thông tin áp lực, chất lượng nước với hệ thống SCADA và GIS để giám sát, chẩn đoán, điều khiển từ xa toàn bộ hoạt động của Công ty. Đồng thời xây dựng chương trình quản lý tổng thể về quản lý khách hàng, hoá đơn, tài chính kế toán, vật tư, nhân sự, quản lý vận hành các nhà máy nước và mạng đường ống cấp nước.

- Lập kế hoạch và lộ trình giảm thiểu thất thu, thất thoát đảm bảo cấp nước an toàn bền vững, hiệu quả, thay đồng hồ cấp B bằng đồng hồ cấp C.

- Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo TC ISO 9001:2008; Hoàn thiện các quy trình quản lý, quy trình tác nghiệp. Đổi mới phương pháp và tư duy, tăng cường kinh tế tri thức, làm việc để nâng cao NSLĐ; 100% các bộ phận khoán chi phí, khoán lương theo sản phẩm và công việc, các chi nhánh hạch toán báo số; xây dựng CSDL, tài liệu và các văn bản liên quan về chuyên môn, kỹ thuật, pháp luật...

01
G
H
O
S
JC
1-T
11

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý: Hoàn thiện chương trình quản lý sản xuất; Ứng dụng chương trình quản lý XDCCB; Hoàn thiện phần mềm quản lý nhân sự; Xây dựng phần mềm theo dõi dòng tiền vào ra; Phần mềm bảo trì máy móc thiết bị; Ứng dụng phần mềm trong quản lý tài sản nhà máy; Xây dựng chương trình quản lý văn thư lưu trữ...

- Hội đồng khoa học kỹ thuật cùng Phòng kỹ thuật tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị chuyên đề có nội dung thiết thực cho lực lượng các bộ kỹ thuật, nhằm nâng cao, trang bị kiến thức, tính sáng tạo cho người lao động và phát huy trí tuệ tập thể.

- Tiếp tục hoàn thiện, đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo thi tay nghề cho các ngành nghề để trang bị cho đội ngũ công nhân kiến thức cơ bản nhất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Công ty.

- Hỗ trợ kỹ thuật, chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị cấp nước trong ngành, đặc biệt là các đơn vị cấp nước trong tỉnh để dịch vụ cấp nước tốt nhất cho nhân dân.

2. Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện, tối ưu hoá dây truyền sản xuất, đảm bảo kiểm soát chặt chẽ tổng thể hoạt động hệ thống cấp nước thông qua hệ thống SCADA. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra mạng lưới, đồng hồ đo nước, lập kế hoạch và thực thi chiến dịch chống thất thoát bằng thiết bị phân tích, nghe hiện đại; xử lý kịp thời các điểm rò rỉ, gây thất thoát nước.

- Năng động tìm kiếm mở rộng thị trường trong và ngoài tỉnh, liên danh liên kết với các nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công để tham gia đấu thầu thiết kế và thi công các công trình. Từng bước nâng cao năng lực và uy tín tương xứng với tiềm năng của Công ty.

- Thực hiện tốt công tác truyền thông nhằm tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về tầm quan trọng của nước sạch và các cơ chế, chính sách, quy định, quyền lợi, trách nhiệm đơn vị dịch vụ cấp nước, khách hàng sử dụng nước.

- Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng: giải quyết kịp thời, thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng. Triển khai hóa đơn điện tử thu tiền sử dụng nước của khách hàng, văn phòng điện tử, đa dạng hóa các hình thức thu tiền nước như: hoàn thiện hệ thống quầy thu toàn tỉnh, thực hiện chấm điểm chất lượng dịch vụ của nhân viên và các thủ tục hành chính liên quan thông qua màn hình cảm ứng tại quầy, nhờ thu qua ngân hàng, bưu điện văn hóa xã ...

- Đa dạng hoá sản phẩm: Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động SXKD nước uống tinh lọc; phát triển dịch vụ lắp đặt đầu nối cấp nước; Tổ chức quảng bá, giới thiệu và chuyển giao các sản phẩm và dịch vụ của Công ty đến với tất cả các công ty cấp nước trên toàn quốc và các khách hàng có nhu cầu.

3. Lĩnh vực phát triển thị trường và đầu tư xây dựng cơ bản.

3.1. Nghiên cứu phát triển thị trường.

- Phối hợp với các phòng ban, đơn vị nghiên cứu mở rộng thị trường, cung cấp nước sạch ổn định theo phương án chuỗi vùng và các khu vực, đảm bảo theo định hướng và quy hoạch cấp nước toàn tỉnh.

3.2. Đầu tư xây dựng cơ bản.

- Tập trung giải quyết hoàn thành công tác quyết toán các hạng mục công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng.

- Triển khai thực hiện đầu tư các dự án công trình đã được Công ty phê duyệt;

- Ưu tiên giải quyết công tác lập dự án, GPMB và triển khai thi công các dự án, công trình trọng điểm của công ty trong giai đoạn 2022-2027 như: Xây dựng trụ sở nhà làm việc Công ty; Xây dựng tuyến ống HDPE D1000 từ đầu tường rào công ty ô tô FORD lên Lai Cách; Xây dựng, cải tạo tuyến ống truyền tải HDPE D710 từ trạm Cẩm Giàng đến cầu Ghẽ - CN KDNS số 10; Mở rộng nâng CS nhà máy nước xã Tiên Phong - CNKDNS số 9; XD trạm bơm tăng áp xã Vĩnh Hồng, Bình Giang; Xây dựng tuyến ống truyền tải HDPE D400 cấp nước cho trạm bơm tăng áp Vĩnh Hồng...

4. Các giải pháp khác:

- Tiếp tục duy trì và phát triển văn hóa doanh nghiệp, trở thành động lực, mục tiêu của công ty, tạo chất keo kết dính giữa cá nhân và Công ty, góp phần xây dựng nguồn nhân lực mang bản sắc đặc trưng HADUWACO.

- Tăng cường thỏa thuận hợp tác toàn diện với Trường đại học như: Xây dựng, Kiến trúc, Thủy lợi.....

- Tích cực tham gia; Hội cấp thoát nước Việt Nam, Chi Hội cấp nước miền Bắc; Hiệp hội các công ty nước Đông Nam Á - SEAWUN, WaterLink, Hiệp hội nước quốc tế IWA và các tổ chức quốc tế như; tập đoàn Seoul Water, K-Water (Hàn Quốc)...

CHƯƠNG V. KẾT LUẬN

Chiến lược phát triển của HADUWACO là nhằm xác định mô hình phát triển công ty đến năm 2027 trở thành Công ty cổ phần có cơ cấu cổ đông hợp lý, có hệ thống quản trị đáp ứng những thông lệ tốt nhất của công ty đại chúng được niêm yết.

Đạt được các mục tiêu của chiến lược đề ra, với các giải pháp quản trị cho từng lĩnh vực, tổ chức, đầu tư, tài chính nhằm hạn chế thấp nhất các rủi ro, tận dụng được các cơ hội, phát huy các điểm mạnh, lợi thế để công ty phát triển bền vững.

Định hướng chiến lược này là cơ sở để HĐQT, Ban tổng giám đốc, Trưởng các phòng ban chức năng, các Chi nhánh xây dựng chiến lược hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được giao cho phù hợp. Trước môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh luôn biến động để đạt được mục tiêu chiến lược đề ra tùy từng thời điểm cần phải có sự điều chỉnh các giải pháp thích ứng cho hiệu quả.

Trên đây là Chiến lược phát triển của HADUWACO đến năm 2030 định hướng đến năm 2050 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2022 - 2027 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Vũ Mạnh Dũng